

Hải Phòng, ngày 24 tháng 02 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

(Về thành lập các lớp Đại học hệ chính quy, liên thông, vừa làm vừa học năm học 2016-2017)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

- Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25/01/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng;
- Căn cứ Quyết định số 2153/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;
- Căn cứ Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống niên chế;
- Căn cứ Quy chế học sinh, sinh viên của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;
- Theo đề nghị của ông Trưởng Phòng Đào tạo đại học.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Nay thành lập 28 lớp sinh viên hệ đào tạo Đại học (trong đó có 14 lớp đại học chính quy, 7 lớp cử nhân điều dưỡng, xét nghiệm vừa làm vừa học, 7 lớp y đa khoa và dược liên thông) năm học 2016 – 2017 (có danh sách kèm theo) cụ thể như sau:

1. Y đa khoa chính quy 6 năm: 8 lớp: K38A, K38B, K38C, K38D, K38E, K38F, K38G, K38H
2. Bác sĩ Răng – hàm – mặt: 1 lớp: RHM.K8
3. Bác sĩ Y học dự phòng: 1 lớp: YHDP.K10
4. Cử nhân điều dưỡng chính quy: 1 lớp: CNDD.K12
5. Cử nhân Kỹ thuật y học: 1 lớp: CNKTYH.K8
6. Dược chính quy: 1 lớp: Dược K6
7. Y học cổ truyền: 1 lớp: YHCT.K2
8. Cử nhân điều dưỡng hệ vừa làm vừa học K11: 5 lớp: A, B, C, D, E,
9. Xét nghiệm y học hệ vừa làm vừa học K1: 2 lớp: A, B.
10. Y đa khoa hệ liên thông: 6 lớp: CT32A, CT32B, CT32C, CT32D, CT32E, CT32F.
11. Dược liên thông: 1 lớp: Dược LT. K2

Điều 2: Phòng Đào tạo đại học có trách nhiệm chỉ định Ban cán sự lớp mới;

Điều 3: Sinh viên các lớp trên được hưởng chế độ quyền hạn và thực hiện các nghĩa vụ theo quy định hiện hành kể từ ngày ký quyết định.

Điều 4: Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng phòng Tài chính – kế toán, Giám đốc Trung tâm Khảo thí & Đảm bảo chất lượng giáo dục, Trưởng các Khoa, bộ môn, các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Lưu.



HIỆU TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Chức*

Số: 201...^B/YDHP-QĐ

Hải Phòng, ngày 24 tháng 02 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

(Về việc công nhận Ban cán sự lớp mới nhập học năm học 2016 – 2017)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

- Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25/01/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng;
- Căn cứ Quyết định số 2153/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;
- Căn cứ Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống niên chế
- Căn cứ Quy chế học sinh, sinh viên của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;
- Theo đề nghị của ông Trưởng Phòng Đào tạo đại học.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận danh sách Ban cán sự các lớp Đại học (trong đó có 14 lớp đại học chính quy, 7 lớp cử nhân điều dưỡng, xét nghiệm vừa làm vừa học, 7 lớp y đa khoa và dược liên thông) năm học 2016 – 2017 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Những HSSV có tên trong danh sách thực hiện theo đúng Quy định về cơ cấu, nhiệm vụ của Ban cán sự lớp.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng phòng Tài chính – kế toán, Giám đốc Trung tâm Khảo thí & Đảm bảo chất lượng giáo dục, Trưởng các Khoa, bộ môn, các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu.

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chức*

DANH SÁCH BAN CÁN SỰ CÁC LỚP SINH VIÊN

Năm học 2016 - 2017

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 201^B/YDHP-QĐ ngày 24 tháng 6 năm 2017)

STT	LỚP	HỌ TÊN	CHỨC VỤ	GHI CHÚ
1	38A	VŨ DUY NINH	Lớp trưởng	
		Trần Thị Mai	Lớp phó HT	
		NGUYỄN VĂN LÂM	Lớp phó DS	
2	38B	VŨ TÙNG LÂM	Lớp trưởng	
		LÊ THỊ HIỀN	Lớp phó HT	
		Trương Thị Yến	Lớp phó DS	
3	38C	NGÔ VIỆT DUY ANH	Lớp trưởng	
		BÙI ĐỨC THỌ	Lớp phó HT	
		BÙI THỊ MỸ HẠNH	Lớp phó DS	
4	38D	CAO VIỆT DŨNG	Lớp trưởng	
		LÊ THỊ HẢI	Lớp phó HT	
		ĐOÀN HẢI BÌNH	Lớp phó DS	
5	38E	NGUYỄN THỊ THỦY	Lớp trưởng	
		NGUYỄN THỊ TRÀ MY	Lớp phó HT	
		NGUYỄN THẠCH THỊNH	Lớp phó DS	
6	38F	PHẠM THỊ THU TRANG	Lớp trưởng	
		HẠ THỊ THỦY LIÊN	Lớp phó HT	
		LẠI THỊ KIM DUNG	Lớp phó DS	
7	38G	PHẠM VIỆT QUANG	Lớp trưởng	
		Nguyễn Thị Thu Huyền	Lớp phó HT	
		NGUYỄN THỊ THỦY LINH	Lớp phó DS	
8	38H	NGUYỄN TIẾN THỊNH	Lớp trưởng	
		NGUYỄN THỊ LỘC	Lớp phó HT	
		CAO VIỆT PHƯƠNG	Lớp phó DS	
9	YHDP.K10	TRẦN CÔNG HIỆP	Lớp trưởng	
		PHAN THỊ HUYỀN TRANG	Lớp phó HT	
		NGUYỄN THỊ NHƯ NGỌC	Lớp phó DS	
10	RHM.K8	NGUYỄN HUY QUYỀN	Lớp trưởng	
		ĐÀO THỊ MINH ANH	Lớp phó HT	
		LƯU VĂN TÙNG	Lớp phó DS	

STT	LỚP	HỌ TÊN	CHỨC VỤ	GHI CHÚ
11	Y học cổ truyền K2	NGUYỄN THÚY HƯƠNG	Lớp trưởng	
		NGUYỄN VIỆT ĐỨC	Lớp phó HT	
		NGUYỄN THỊ HIỀN	Lớp phó DS	
12	DƯỢC K5	Cao Bùi Kim Anh	Lớp trưởng	
		Đào Thị Thanh Trang	Lớp phó HT	
		Nguyễn Thị Thu	Lớp phó DS	
13	Điều dưỡng K12	Lê Văn Huy	Lớp trưởng	
		Nguyễn Thị Thảo	Lớp phó HT	
		Nguyễn Thị Minh Lý	Lớp phó DS	
14	Xét nghiệm y học K8	Nguyễn Thị Lâm Oanh	Lớp trưởng	
		Vương Thị Lan Anh	Lớp phó HT	
		Đào Thị Hồng Nga	Lớp phó DS	
15	CNDD VLVH. K11A	Phạm Thị Hoa	Lớp trưởng	
		Nguyễn Thị Thanh Huệ	Lớp phó HT	
		Phạm Thanh Hương	Lớp phó DS	
16	CNDD VLVH. K11B	Nguyễn Thị Thu Thủy	Lớp trưởng	
		Phạm Thị Khuyên	Lớp phó HT	
		Vũ Thị Ninh	Lớp phó DS	
17	CNDD VLVH. K11C	Hà Mỹ Hạnh	Lớp trưởng	
		Nguyễn Thị Minh Hiếu	Lớp phó HT	
		Nguyễn Thị Hương	Lớp phó DS	
18	CNDD VLVH. K11D	Hoàng Thị Thu Hà	Lớp trưởng	
		Lương Thị Thanh Hà	Lớp phó HT	
		Lê Thị Minh Hằng	Lớp phó DS	
19	CNDD VLVH. K11E	Lê Văn Cảnh	Lớp trưởng	
		Lê Thị Duyên	Lớp phó HT	
		Lê Thị Giang	Lớp phó DS	
20	XNYH VLVH.K1A	Trần Thị Thu Hằng	Lớp trưởng	
		Trương Trung Kiên	Lớp phó HT	
		Tô Thị Hằng Nga	Lớp phó DS	
21	XNYH VLVH.K1B	Nguyễn Thị Minh Hải	Lớp trưởng	
		Nguyễn Thúy Hồng	Lớp phó HT	
		Lê Thị Mến	Lớp phó DS	
22	CT.32A	Hoàng Quốc Hợp	Lớp trưởng	
		Lê Thị Ngọc Ánh	Lớp phó HT	
		Nguyễn Anh Tuấn	Lớp phó DS	

ÔNG
HỌC
DƯỢC
HỎNG

ÔNG
DƯỢC
HỌC
HỎNG

STT	LỚP	HỌ TÊN	CHỨC VỤ	GHI CHÚ
23	CT.32B	Lương TRường Hùng	Lớp trưởng	
		Giang Cẩm Vân	Lớp phó HT	
		Nguyễn Thị Hòa	Lớp phó DS	
24	CT.32C	Đinh Quang Trung	Lớp trưởng	
		Đào Văn Sơn	Lớp phó HT	
		Nguyễn Ngọc Duy	Lớp phó DS	
25	CT.32D	Vũ Văn Nam	Lớp trưởng	
		Nguyễn Anh Tuấn	Lớp phó HT	
		Nguyễn Thị Kim Thơ	Lớp phó DS	
26	CT.32E	Hoàng Việt Ninh	Lớp trưởng	
		Đào Thị Thanh Hằng	Lớp phó HT	
		Nguyễn Thị Bích Hiên	Lớp phó DS	
27	CT.32F	Vũ Huy Nam	Lớp trưởng	
		Nguyễn Thị Thu Hương	Lớp phó HT	
		Phạm Quang Tiến	Lớp phó DS	
28	DUỢC LT. K2	Lê Xuân Hưởng	Lớp trưởng	
		Phạm Minh Quân	Lớp phó HT	
		Lưu Thị Hương Xuân	Lớp phó DS	



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HÀI PHÒNG

DANH SÁCH CÁC LỚP SINH VIÊN NĂM 2016
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 24/YDHP-QĐ ngày 24 tháng 2 năm 2017)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	LỚP	Ghi Chú
1	1655010003	BÙI THỊ	ANH	02/08/1998	CNDD.K12	
2	1655010001	ĐỖ PHƯƠNG	ANH	06/08/1998	CNDD.K12	
3	1655010004	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	27/09/1998	CNDD.K12	
4	1655010002	PHÙNG THỊ	ANH	07/10/1998	CNDD.K12	
5	1655010005	PHẠM THỊ	CHÂM	04/08/1998	CNDD.K12	
6	1655010006	ÂU THỊ	CHINH	13/02/1998	CNDD.K12	
7	1655010007	ĐẶNG THỊ	DOAN	21/09/1997	CNDD.K12	
8	1655010008	Nguyễn Thị	Dung	21/04/1998	CNDD.K12	
9	1655010010	NGUYỄN THỊ KIM	DUNG	18/07/1998	CNDD.K12	
10	1655010009	VŨ THUY	DUNG	08/01/1998	CNDD.K12	
11	1655010011	BÙI THỊ THỦY	DƯƠNG	25/04/1998	CNDD.K12	
12	1655010012	NGUYỄN THỊ	DIỆP	14/04/1998	CNDD.K12	
13	1655010013	NGUYỄN THỊ NGỌC	GIAO	08/12/1998	CNDD.K12	
14	1655010015	LÊ THỊ THU	HÀ	01/11/1998	CNDD.K12	
15	1655010014	NGUYỄN THU	HÀ	26/01/1998	CNDD.K12	
16	1655010016	PHẠM THỊ THANH	HÀI	03/03/1998	CNDD.K12	
17	1655010019	NGUYỄN THỊ	HẢO	09/07/1998	CNDD.K12	
18	1655010018	LÊ THỊ LÊ	HẰNG	13/11/1998	CNDD.K12	
19	1655010017	LÊ THU	HẰNG	30/08/1998	CNDD.K12	
20	1655010020	NGUYỄN THỊ	HẬU	03/08/1998	CNDD.K12	
21	1655010021	TRẦN THỊ	HIÊN	12/07/1998	CNDD.K12	
22	1655010022	ĐOÀN THU	HIÊN	04/12/1998	CNDD.K12	
23	1655010023	TRẦN NGỌC	HÒA	23/10/1998	CNDD.K12	
24	1655010024	NGUYỄN THỊ	HÔNG	11/05/1998	CNDD.K12	
25	1655010025	PHẠM THỊ	HUỆ	23/08/1998	CNDD.K12	
26	1655010027	LÊ VĂN	HUY	24/02/1998	CNDD.K12	
27	1655010029	NGUYỄN THANH	HUYỀN	07/08/1998	CNDD.K12	
28	1655010030	NGUYỄN THỊ NGỌC	HUYỀN	14/01/1998	CNDD.K12	
29	1655010028	NGUYỄN THỊ THANH	HUYỀN	27/03/1998	CNDD.K12	
30	1655010031	NGUYỄN THÚY	LÊ	25/05/1998	CNDD.K12	
31	1655010032	NGUYỄN THỊ	LIÊN	15/05/1998	CNDD.K12	
32	1655010033	NGUYỄN THỊ DIỆU	LINH	07/08/1998	CNDD.K12	
33	1655010034	NGUYỄN THỊ	LOAN	03/11/1998	CNDD.K12	
34	1655010035	DƯƠNG HƯƠNG	LY	07/07/1998	CNDD.K12	
35	1655010036	NGUYỄN THỊ MINH	LÝ	26/05/1998	CNDD.K12	
36	1655010038	ĐÌNH THỊ	MAI	01/10/1998	CNDD.K12	
37	1655010039	NGUYỄN THỊ	MAI	19/07/1997	CNDD.K12	
38	1655010040	VƯƠNG HUỆ	MÃN	25/11/1997	CNDD.K12	
39	1655010041	NGUYỄN THỊ TRẢ	MY	13/12/1998	CNDD.K12	
40	1655010042	NGUYỄN THỊ THANH	NHÂN	28/07/1998	CNDD.K12	
41	1655010044	NGUYỄN THỊ	NHUNG	16/04/1998	CNDD.K12	
42	1655010043	VŨ THỊ HÔNG	NHUNG	11/01/1998	CNDD.K12	
43	1655010045	ĐỖ THỊ	NỤ	29/10/1998	CNDD.K12	
44	1655010047	ĐÀO THỊ	PHƯƠNG	28/11/1998	CNDD.K12	
45	1655010046	NGUYỄN THU	PHƯƠNG	20/04/1998	CNDD.K12	
46	1655010048	LÊ THỊ MAI	QUYÊN	02/09/1998	CNDD.K12	
47	1655010049	TRẦN THỊ	THANH	18/03/1997	CNDD.K12	
48	1655010050	NGUYỄN THỊ	THẢO	29/08/1998	CNDD.K12	
49	1655010051	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	THẢO	30/01/1998	CNDD.K12	
50	1655010052	NGUYỄN THỊ	THOAN	16/01/1997	CNDD.K12	
51	1655010053	CHU THỊ PHƯƠNG	THU	20/06/1998	CNDD.K12	
52	1655010054	TRẦN HOÀI	THU	10/12/1998	CNDD.K12	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	LỚP	Ghi Chú
53	1655010058	PHẠM THỊ	THỦY	16/06/1998	CNDD.K12	
54	1655010057	NGUYỄN THỊ	THỦY	16/08/1998	CNDD.K12	
55	1655010055	BÙI THỊ	THƯƠNG	26/02/1998	CNDD.K12	
56	1655010056	NGUYỄN THỊ	THƯƠNG	06/08/1998	CNDD.K12	
57	1655010059	BÙI THỊ	TRANG	26/11/1998	CNDD.K12	
58	1655010060	NGUYỄN THỊ HỒNG	TRANG	13/05/1998	CNDD.K12	
59	1655010061	TRẦN THỦY	TRANG	18/10/1997	CNDD.K12	
60	1655010062	TRỊNH HUYỀN	TRANG	27/08/1998	CNDD.K12	
61	1655010063	NGUYỄN THỊ	UYÊN	24/06/1998	CNDD.K12	
62	1655010064	PHAN THỊ THÚY	VÂN	25/04/1998	CNDD.K12	
1	1654010001	ĐỖ HẢI	AN	11/10/1998	DƯỢC K5	
2	1654010002	CAO BÙI KIM	ANH	19/04/1998	DƯỢC K5	
3	1654010003	ĐẶNG ĐỨC	ANH	15/08/1998	DƯỢC K5	
4	1654010008	LƯƠNG THỊ LAN	ANH	08/08/1998	DƯỢC K5	
5	1654010007	NGUYỄN HUYỀN	ANH	25/08/1998	DƯỢC K5	
6	1654010006	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	24/08/1998	DƯỢC K5	
7	1654010004	TÔ THỊ HỒNG	ANH	08/06/1998	DƯỢC K5	
8	1654010005	VŨ THUỶ	ANH	20/01/1998	DƯỢC K5	
9	1654010009	TRƯƠNG NGỌC	ÁNH	27/10/1998	DƯỢC K5	
10	1654010010	ĐỖ THỊ	BIÊN	16/04/1998	DƯỢC K5	
11	1654010011	NGUYỄN THỊ	CHÂM	06/12/1998	DƯỢC K5	
12	1654010012	NGUYỄN VĂN	CHÍNH	19/07/1998	DƯỢC K5	
13	1654010013	NGUYỄN VIỆT	CHÍNH	03/01/1997	DƯỢC K5	
14	1654010014	ĐOÀN MẠNH	CƯỜNG	22/01/1998	DƯỢC K5	
15	1654010015	PHẠM THỊ	DIỄM	26/06/1998	DƯỢC K5	
16	1654010016	TÀ YÊN THỊ	DIỄM	27/12/1997	DƯỢC K5	
17	1654010017	PHẠM ĐÌNH	DUY	08/09/1998	DƯỢC K5	
18	1654010019	LÊ MINH	DUYÊN	05/10/1998	DƯỢC K5	
19	1654010018	LÊ THỊ	DUYÊN	05/10/1998	DƯỢC K5	
20	1654010020	VŨ TIẾN	ĐẠT	02/07/1998	DƯỢC K5	
21	1654010022	NGUYỄN THỊ	GIANG	08/09/1998	DƯỢC K5	
22	1654010021	NGUYỄN THỊ CHÂU	GIANG	03/01/1998	DƯỢC K5	
23	1654010023	NGUYỄN THỊ NGỌC	HÀ	28/03/1998	DƯỢC K5	
24	1654010027	ĐÌNH THỊ	HẢO	24/09/1998	DƯỢC K5	
25	1654010026	PHẠM THỊ	HẢO	16/08/1998	DƯỢC K5	
26	1654010025	ĐỖ THỊ	HÀNG	14/09/1998	DƯỢC K5	
27	1654010024	NGÔ THỊ	HÀNG	27/07/1998	DƯỢC K5	
28	1654010028	PHẠM THỊ THÚY	HIỀN	15/12/1998	DƯỢC K5	
29	1654010029	LÊ MẠNH	HIỆP	05/06/1998	DƯỢC K5	
30	1654010030	NGUYỄN THỊ DIỆU	HOA	14/02/1998	DƯỢC K5	
31	1654010031	NHŨ ĐÌNH	HÒA	26/10/1998	DƯỢC K5	
32	1654010032	PHẠM HUY	HOÀNG	24/08/1997	DƯỢC K5	
33	1654010033	NGUYỄN THỊ	HUẾ	07/12/1997	DƯỢC K5	
34	1654010034	Lê Thị	Huệ	10/11/1997	DƯỢC K5	
35	1654010038	VŨ VĂN	HUY	20/02/1995	DƯỢC K5	
36	1654010039	HỒ THỊ	HUYỀN	29/06/1998	DƯỢC K5	
37	1654010040	NGUYỄN NGỌC	HUYỀN	27/10/1998	DƯỢC K5	
38	1654010036	HÀ THỊ THỦY	HƯƠNG	12/02/1998	DƯỢC K5	
39	1654010035	LÊ THỊ	HƯƠNG	20/12/1998	DƯỢC K5	
40	1654010037	LÊ THỊ THU	HƯỜNG	27/04/1998	DƯỢC K5	
41	1654010041	LÊ HÀ	KHOA	19/01/1997	DƯỢC K5	
42	1654010042	TRƯƠNG THỊ	LAM	14/04/1998	DƯỢC K5	
43	1654010043	HỒ THỊ	LIÊN	06/01/1998	DƯỢC K5	
44	1654010045	ĐÀM THỊ MAI	LINH	31/03/1998	DƯỢC K5	
45	1654010046	NGUYỄN MỸ	LINH	29/05/1998	DƯỢC K5	
46	1654010044	PHẠM THỊ THỦY	LINH	28/12/1998	DƯỢC K5	
47	1654010047	BÙI THỊ	LÝ	18/07/1998	DƯỢC K5	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	LỚP	Ghi Chú
48	1654010048	BÙI THỊ HỒNG	MAI	13/04/1998	DƯỢC K5	
49	1654010049	NGUYỄN THỊ	MƠ	05/07/1997	DƯỢC K5	
50	1654010050	ĐOÀN VĂN	NGỌC	23/08/1997	DƯỢC K5	
51	1654010052	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGỌC	29/09/1998	DƯỢC K5	
52	1654010051	TRẦN THỊ HỒNG	NGỌC	30/01/1998	DƯỢC K5	
53	1654010053	NGUYỄN THỊ	NGUYỄN	17/09/1998	DƯỢC K5	
54	1654010055	NGUYỄN THANH	NGUYỆT	12/02/1998	DƯỢC K5	
55	1654010054	NGUYỄN THỊ	NGUYỆT	16/08/1998	DƯỢC K5	
56	1654010056	LÊ THỊ	NHÂN	02/02/1998	DƯỢC K5	
57	1654010057	BÙI THỊ YẾN	NHI	23/08/1998	DƯỢC K5	
58	1654010058	TRƯƠNG THỊ	NHUNG	15/02/1998	DƯỢC K5	
59	1654010059	TRẦN THỊ MỸ	NINH	21/04/1998	DƯỢC K5	
60	1654010060	LƯU HÀ	PHƯƠNG	09/03/1997	DƯỢC K5	
61	1654010061	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	28/01/1998	DƯỢC K5	
62	1654010062	LƯƠNG VĂN	QUÂN	28/01/1997	DƯỢC K5	
63	1654010063	PHẠM TIẾN	QUỐC	31/01/1997	DƯỢC K5	
64	1654010064	CAO THU	QUYÊN	15/06/1998	DƯỢC K5	
65	1654010065	HOÀNG THỊ NHƯ	QUỲNH	26/09/1998	DƯỢC K5	
66	1654010066	NGUYỄN VĂN	SÂM	02/01/1998	DƯỢC K5	
67	1654010067	NGUYỄN TUẤN	SƠN	12/07/1993	DƯỢC K5	
68	1654010069	LÊ THỊ THANH	TÂM	13/06/1998	DƯỢC K5	
69	1654010068	MAI ĐÌNH	TÂM	06/12/1998	DƯỢC K5	
70	1654010070	TRẦN HUYỀN	THANH	02/10/1997	DƯỢC K5	
71	1654010071	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	10/02/1998	DƯỢC K5	
72	1654010072	NGUYỄN ĐỨC	THỊNH	22/11/1998	DƯỢC K5	
73	1654010073	ĐẬU THỊ	THOM	11/03/1998	DƯỢC K5	
74	1654010074	NGUYỄN THỊ	THU	11/12/1998	DƯỢC K5	
75	1654010076	PHẠM THANH	THÙY	21/10/1997	DƯỢC K5	
76	1654010075	ĐỖ MINH	THÚY	13/09/1998	DƯỢC K5	
77	1654010077	NGÔ MINH	TIẾN	12/08/1998	DƯỢC K5	
78	1654010078	NGUYỄN ĐỨC	TIỆP	12/04/1998	DƯỢC K5	
79	1654010080	CAO THỌ	TOÀN	15/04/1998	DƯỢC K5	
80	1654010079	Nguyễn Thị	Toàn	29/11/1997	DƯỢC K5	
81	1654010081	ĐÀO THỊ THANH	TRANG	06/06/1997	DƯỢC K5	
82	1654010083	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	13/04/1998	DƯỢC K5	
83	1654010082	VŨ THỊ NHƯ	TRANG	19/05/1997	DƯỢC K5	
84	1654010084	TRƯƠNG CÔNG	TRƯỜNG	09/01/1998	DƯỢC K5	
85	1654010085	LAI VĂN	TÚ	30/10/1998	DƯỢC K5	
86	1654010087	HOÀNG VĂN	TÙNG	17/12/1998	DƯỢC K5	
87	1654010086	NGUYỄN QUỐC	TÙNG	05/11/1998	DƯỢC K5	
88	1654010088	NGUYỄN THỊ	UYÊN	08/02/1998	DƯỢC K5	
89	1654010089	ĐÀO THỊ THU	VÂN	07/05/1998	DƯỢC K5	
90	1654010090	ĐẶNG VĂN	VIÊN	17/09/1998	DƯỢC K5	
1	1656010001	ĐÀO THỊ MINH	ANH	05/10/1998	RHM.K8	
2	1656010002	LÊ TUẤN	ANH	26/05/1998	RHM.K8	
3	1656010003	TRẦN THỊ VÂN	ANH	29/05/1998	RHM.K8	
4	1556010008	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	14/10/1997	RHM.K8	
5	1656010004	PHAN NGỌC	ÁNH	23/01/1998	RHM.K8	
6	1656010005	NGUYỄN THỊ	BÌNH	12/12/1998	RHM.K8	
7	1656010007	ĐÀO THỊ KIM	DUNG	08/03/1998	RHM.K8	
8	1656010006	Lãnh Thị	Dung	30/04/1996	RHM.K8	
9	1656010009	ĐỖ HUY	DŨNG	22/10/1997	RHM.K8	
10	1656010008	NGUYỄN DANH	DŨNG	12/09/1998	RHM.K8	
11	1656010010	ĐOÀN XUÂN	DUY	13/05/1998	RHM.K8	
12	1656010011	PHẠM QUANG	DUY	02/07/1998	RHM.K8	
13	1656010012	VŨ THỊ	DUYÊN	23/05/1998	RHM.K8	
14	1656010013	ĐOÀN THỊ	GIANG	17/09/1998	RHM.K8	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	LỚP	Ghi Chú
3	1653320001	PHẠM THỊ TÚ	ANH	12/11/1998	RHM.K8	
4	1653320003	VƯƠNG THỊ LAN	ANH	01/03/1997	RHM.K8	
5	1653320005	VŨ ĐỨC	BÁCH	31/05/1998	RHM.K8	
6	1653320006	PHẠM THỊ	BÍCH	27/10/1997	RHM.K8	
7	1653320007	PHẠM THỊ THANH	BÌNH	20/11/1998	RHM.K8	
8	1653320008	VŨ THỊ	CHÂM	15/09/1998	RHM.K8	
9	1653320009	ĐỖ THÙY	DUNG	05/10/1997	RHM.K8	
10	1653320010	PHẠM BẠCH	DƯƠNG	19/11/1998	RHM.K8	
11	1653320011	NGUYỄN VĂN	ĐẠT	11/04/1998	RHM.K8	
12	1653320012	NGUYỄN THỊ	GIANG	04/11/1998	RHM.K8	
13	1653320013	TRẦN THỊ	HÀ	05/05/1998	RHM.K8	
14	1653320014	BÙI THỊ NGUYỆT	HẠ	21/09/1998	RHM.K8	
15	1653320015	VŨ NHẬT	HẠ	22/05/1998	RHM.K8	
16	1653320016	TRẦN HOÀNG	HẢI	09/07/1998	RHM.K8	
17	1653320018	LÊ THỊ	HẠNH	28/06/1998	RHM.K8	
18	1653320019	TRỊNH THỊ	HẠNH	25/01/1998	RHM.K8	
19	1653320020	VŨ THỊ MỸ	HẠNH	01/06/1998	RHM.K8	
20	1653320017	ĐỖ THỊ	HẰNG	30/01/1998	RHM.K8	
21	1653320021	PHẠM THỊ	HIỀN	07/05/1997	RHM.K8	
22	1653320022	NGUYỄN THỊ	HÒA	31/10/1998	RHM.K8	
23	1653320023	ĐẶNG THÁI	HOÀNG	09/08/1998	RHM.K8	
24	1653320025	ĐỖ THỊ THU	HUYỀN	10/10/1998	RHM.K8	
25	1653320024	ĐOÀN THỊ MAI	HƯƠNG	14/10/1998	RHM.K8	
26	1653320026	NGUYỄN NGỌC	LAN	27/10/1997	RHM.K8	
27	1653320027	NGUYỄN THỊ	LỆ	12/01/1998	RHM.K8	
28	1653320028	BÙI THỊ THÙY	LINH	21/05/1998	RHM.K8	
29	1653320029	CAO THỊ	LINH	04/08/1998	RHM.K8	
30	1653320031	ĐỖ THỊ MỸ	LINH	20/03/1998	RHM.K8	
31	1653320030	LƯU THỊ	LINH	07/04/1997	RHM.K8	
32	1653320032	NGUYỄN HOÀNG	MAI	02/03/1998	RHM.K8	
33	1653320033	TRẦN HỒNG	NAM	21/06/1998	RHM.K8	
34	1653320034	ĐÀO THỊ HỒNG	NGA	27/11/1998	RHM.K8	
35	1653320035	Nguyễn Thị	Ngọc	19/01/1998	RHM.K8	
36	1653320036	VŨ THỊ	NGUYỆT	07/01/1998	RHM.K8	
37	1653320037	VŨ THỊ	NGUYỆT	01/07/1998	RHM.K8	
38	1653320038	VŨ THỊ THANH	NHÂN	23/10/1998	RHM.K8	
39	1653320039	NGUYỄN THỊ	NHUNG	25/01/1996	RHM.K8	
40	1653320040	NGUYỄN THỊ LÂM	OANH	11/07/1998	RHM.K8	
41	1653320041	LƯƠNG QUỲNH	PHƯƠNG	30/09/1998	RHM.K8	
42	1653320042	ĐINH THỊ KIM	QUY	21/01/1998	RHM.K8	
43	1653320043	NGUYỄN THỊ NHƯ	QUỲNH	26/11/1997	RHM.K8	
44	1553320025	NGUYỄN VĂN	TÂM	18/03/1997	RHM.K8	
45	1653320044	LÊ VĂN	THAO	14/04/1996	RHM.K8	
46	1653320046	HÀ THỊ PHƯƠNG	THẢO	26/10/1998	RHM.K8	
47	1653320045	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	20/02/1998	RHM.K8	
48	1653320048	NGUYỄN THỊ THU	THÙY	25/12/1998	RHM.K8	
49	1653320047	TRẦN MINH	THƯ	11/05/1998	RHM.K8	
50	1653320050	BÙI NĂNG	TIỀN	12/01/1998	RHM.K8	
51	1653320049	VƯƠNG VĂN	TIẾN	27/12/1997	RHM.K8	
52	1653320051	VŨ HỮU	TIỆP	06/03/1997	RHM.K8	
53	1653320052	TRẦN QUANG	TÔI	20/12/1998	RHM.K8	
54	1653320054	NGUYỄN QUỲNH	TRANG	05/12/1998	RHM.K8	
55	1653320055	NGUYỄN THU	TRANG	18/10/1998	RHM.K8	
56	1653320056	PHẠM THỊ	TRANG	27/09/1998	RHM.K8	
57	1653320053	PHẠM THU	TRANG	21/10/1998	RHM.K8	
58	1653320057	HOÀNG THỊ VIỆT	TRÌNH	04/11/1998	RHM.K8	
59	1653320058	ĐÀO QUÝ	TRƯỜNG	30/01/1998	RHM.K8	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	LỚP	Ghi Chú
60	1653320060	TRẦN ANH	TUẤN	06/06/1998	RHM.K8	
61	1653320059	VƯƠNG ANH	TUẤN	11/05/1998	RHM.K8	
62	1653320061	HOÀNG THỊ	TUỔI	29/10/1998	RHM.K8	
63	1653320062	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	VI	01/01/1998	RHM.K8	
1	1652010001	LÊ THỊ TRÂM	ANH	19/09/1998	YHCT.K2	
2	1652010002	NGUYỄN HỒNG NGỌC	ANH	20/10/1997	YHCT.K2	
3	1652010003	NGUYỄN THỊ QUỲNH	ANH	28/10/1997	YHCT.K2	
4	1652010004	VŨ THỊ LAN	ANH	14/05/1998	YHCT.K2	
5	1652010005	NGUYỄN VIỆT	CƯỜNG	20/12/1998	YHCT.K2	
6	1652010006	NGUYỄN THÙY	DUNG	19/08/1997	YHCT.K2	
7	1652010007	MA HÙNG	DŨNG	07/12/1998	YHCT.K2	
8	1652010009	BÙI VĂN	DƯƠNG	03/12/1998	YHCT.K2	
9	1652010008	HÀ THÙY	DƯƠNG	15/12/1997	YHCT.K2	
10	1652010011	NGUYỄN VIỆT	ĐỨC	06/07/1998	YHCT.K2	
11	1652010010	PHÙNG VĂN	ĐỨC	27/06/1998	YHCT.K2	
12	1652010015	LÊ THANH	HÀ	31/08/1998	YHCT.K2	
13	1652010014	LƯƠNG NGỌC	HÀ	07/01/1998	YHCT.K2	
14	1652010013	NGUYỄN THỊ HỒNG	HÀ	24/06/1997	YHCT.K2	
15	1652010012	VŨ THỊ	HÀ	07/09/1997	YHCT.K2	
16	1652010017	ĐẶNG THỊ	HẢI	28/10/1997	YHCT.K2	
17	1652010019	NGUYỄN THỊ	HIÊN	26/02/1998	YHCT.K2	
18	1652010020	ĐỖ ĐỨC	HIỆP	25/03/1998	YHCT.K2	
19	1652010021	NGUYỄN THỊ	HOA	10/04/1998	YHCT.K2	
20	1652010022	TRỊNH THỊ	HỒNG	19/07/1998	YHCT.K2	
21	1652010028	ĐỖ QUANG	HUY	26/02/1998	YHCT.K2	
22	1652010027	NGUYỄN QUỐC	HUY	07/02/1998	YHCT.K2	
23	1652010029	VŨ THỊ THANH	HUYỀN	05/01/1998	YHCT.K2	
24	1652010023	NGUYỄN THỊ DIỆU	HƯƠNG	28/07/1998	YHCT.K2	
25	1652010024	TRẦN THỊ THU	HƯƠNG	24/12/1998	YHCT.K2	
26	1652010026	NGUYỄN THỊ THÚY	HƯỜNG	04/12/1997	YHCT.K2	
27	1652010025	NGUYỄN THÚY	HƯỜNG	20/01/1998	YHCT.K2	
28	1652010032	NGUYỄN THỊ DIỆU	LINH	12/05/1997	YHCT.K2	
29	1652010031	SÁI HOÀNG THƯ	LINH	03/08/1998	YHCT.K2	
30	1652010035	KIỀU HOÀNG	NAM	02/06/1998	YHCT.K2	
31	1652010034	NGUYỄN BÁ	NAM	20/08/1997	YHCT.K2	
32	1652010033	NGUYỄN GIANG	NAM	27/03/1997	YHCT.K2	
33	1652010037	LÊ THU	PHƯƠNG	05/02/1998	YHCT.K2	
34	1652010036	VŨ THỊ THU	PHƯƠNG	07/10/1998	YHCT.K2	
35	1652010038	HOÀNG VĂN	QUÝ	25/02/1998	YHCT.K2	
36	1652010041	LƯU THANH	SƠN	12/08/1998	YHCT.K2	
37	1652010040	NGUYỄN NGỌC	SƠN	19/11/1996	YHCT.K2	
38	1652010039	NGUYỄN TRƯỜNG	SƠN	07/12/1998	YHCT.K2	
39	1652010042	LÊ THỊ THANH	THANH	05/06/1998	YHCT.K2	
40	1652010043	PHAN ĐÌNH	THÀNH	28/09/1998	YHCT.K2	
41	1652010044	NGUYỄN ĐỨC	THỊNH	02/01/1998	YHCT.K2	
42	1652010045	VŨ THỊ	THƠM	11/08/1998	YHCT.K2	
43	1652010047	ĐÀO THỊ	THƯ	05/01/1997	YHCT.K2	
44	1652010046	TRẦN THỊ MINH	THƯ	15/11/1998	YHCT.K2	
45	1652010051	ĐẶNG THỊ THU	TRANG	08/09/1998	YHCT.K2	
46	1652010049	LÊ HÀ	TRANG	15/08/1998	YHCT.K2	
47	1652010050	TẠ THỊ THỦY	TRANG	07/08/1998	YHCT.K2	
48	1652010052	HÀ MẠNH	TRƯỜNG	12/08/1996	YHCT.K2	
49	1652010053	PHẠM VĂN	TÚ	28/06/1997	YHCT.K2	
50	1652010054	VŨ CÔNG	TÚ	01/10/1998	YHCT.K2	
51	1652010056	PHẠM ĐÌNH MINH	TUẤN	22/07/1998	YHCT.K2	
52	1652010055	TRẦN VĂN	TUẤN	23/05/1998	YHCT.K2	
53	1652010057	BÙI ĐỨC	TÙNG	21/08/1998	YHCT.K2	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	LỚP	Ghi Chú
54	1652010058	UÔNG NGỌC	TÙNG	06/10/1997	YHCT.K2	
55	1652010060	MAI QUANG	VINH	17/08/1998	YHCT.K2	
1	1651030001	ĐỖ NGỌC	ANH	17/07/1998	YHDP.K10	
2	1651030003	HOÀNG THỊ HUỆ	ANH	17/07/1997	YHDP.K10	
3	1651030004	LÊ THỊ MAI	ANH	20/07/1998	YHDP.K10	
4	1651030002	NGUYỄN QUANG	ANH	28/10/1998	YHDP.K10	
5	1651030006	ĐẶNG THỊ NGỌC	ÁNH	05/12/1997	YHDP.K10	
6	1651030005	LÊ MẠC NGỌC	ÁNH	28/11/1998	YHDP.K10	
7	1651030007	NGUYỄN TRÀ	DIỆM	27/12/1997	YHDP.K10	
8	1651030008	VƯƠNG ĐÌNH	DUY	04/11/1998	YHDP.K10	
9	1651030009	PHẠM THỊ	DUYÊN	03/11/1997	YHDP.K10	
10	1651030010	NGUYỄN THỊ	ĐÀO	08/11/1998	YHDP.K10	
11	1651030011	ĐỖ THỊ HƯƠNG	GIANG	17/08/1998	YHDP.K10	
12	1651030012	LÊ THỊ THÚY	HÀNG	13/09/1997	YHDP.K10	
13	1651030013	MẠC THỊ THU	HIỀN	28/02/1998	YHDP.K10	
14	1651030014	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	02/02/1997	YHDP.K10	
15	1651030015	TRẦN CÔNG	HIỆP	13/08/1998	YHDP.K10	
16	1651030019	VŨ DUY	HIẾU	31/01/1997	YHDP.K10	
17	1651030018	ĐOÀN TRỌNG	HIẾU	17/05/1998	YHDP.K10	
18	1651030017	LÊ PHAN MINH	HIẾU	18/03/1998	YHDP.K10	
19	1651030016	TỪ QUỐC	HIẾU	31/03/1998	YHDP.K10	
20	1651030020	LÊ TUẤN	HOÀNG	30/10/1998	YHDP.K10	
21	1651030021	NGUYỄN THỊ	HỒNG	18/02/1998	YHDP.K10	
22	1651030023	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	06/07/1998	YHDP.K10	
23	1651030022	PHÍ THỊ THU	HUYỀN	07/02/1998	YHDP.K10	
24	1651030024	BÉ THỊ	LAN	29/01/1997	YHDP.K10	
25	1651030025	NGUYỄN THỊ	LÀNH	01/09/1998	YHDP.K10	
26	1651030026	VŨ THỊ KIM	LỆ	28/03/1997	YHDP.K10	
27	1651030027	NGUYỄN THỊ DIỆP	LINH	21/05/1998	YHDP.K10	
28	1651030028	VŨ KHÁNH	LINH	02/09/1998	YHDP.K10	
29	1651030030	NGUYỄN THỊ NGỌC	MAI	08/06/1998	YHDP.K10	
30	1651030029	TRẦN HƯƠNG	MAI	29/03/1997	YHDP.K10	
31	1651030031	HOÀNG THỊ	MÉN	13/10/1997	YHDP.K10	
32	1651030032	TRẦN HẢI	NAM	17/04/1997	YHDP.K10	
33	1651030033	NGUYỄN THỊ NHƯ	NGỌC	16/11/1998	YHDP.K10	
34	1651030034	LƯƠNG THỊ GIANG	PHƯƠNG	25/09/1998	YHDP.K10	
35	1651030035	TRỊNH MAI	PHƯƠNG	08/09/1998	YHDP.K10	
36	1651030036	BÙI THỊ	QUẾ	08/05/1998	YHDP.K10	
37	1651030037	PHẠM THỊ THU	QUỲNH	14/10/1998	YHDP.K10	
38	1651030038	LƯƠNG Y	SAO	12/07/1998	YHDP.K10	
39	1651030041	NGUYỄN HUYỀN	THANH	28/06/1998	YHDP.K10	
40	1651030042	TRẦN PHƯƠNG	THẢO	06/10/1998	YHDP.K10	
41	1651030040	HOÀNG VĂN	THẮNG	21/07/1996	YHDP.K10	
42	1651030039	NGUYỄN MẠNH	THẮNG	01/12/1998	YHDP.K10	
43	1651030043	NGUYỄN TRƯỜNG	THIỆN	23/01/1997	YHDP.K10	
44	1651030044	ĐÀO CƯỜNG	THỊNH	18/01/1998	YHDP.K10	
45	1651030046	LẠI VĂN	THUẬN	10/11/1997	YHDP.K10	
46	1651030048	ĐẶNG THỊ THU	THỦY	08/02/1998	YHDP.K10	
47	1651030047	NGUYỄN HỒNG	THÚY	03/12/1998	YHDP.K10	
48	1651030045	NGUYỄN MINH	THƯ	04/10/1998	YHDP.K10	
49	1651030050	CAO THỊ	TRANG	21/01/1999	YHDP.K10	
50	1651030052	KIỀU THU	TRANG	23/09/1998	YHDP.K10	
51	1651030049	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	26/04/1997	YHDP.K10	
52	1651030051	PHAN THỊ HUYỀN	TRANG	24/01/1998	YHDP.K10	
53	1651030053	NGUYỄN THỊ KIM	TRUNG	17/06/1998	YHDP.K10	
54	1551030043	NGUYỄN NGỌC	TÚ	16/02/1997	YHDP.K10	
55	1651030054	PHẠM THANH	TÚ	16/01/1998	YHDP.K10	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	LỚP	Ghi Chú
56	1651030055	PHẠM NGỌC	TUẤN	10/07/1997	YHDP.K10	
1	1651010008	LÊ NGỌC	ANH	24/09/1997	YDK.38A	
2	1651010007	NGUYỄN VĂN	ANH	28/08/1998	YDK.38A	
3	1651010009	PHẠM VIỆT	ANH	18/07/1998	YDK.38A	
4	1651010032	LÊ THỊ NGỌC	ÁNH	22/03/1998	YDK.38A	
5	1651010031	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	21/08/1998	YDK.38A	
6	1651010035	HOÀNG	BÁCH	18/11/1998	YDK.38A	
7	1651010047	GIANG THỊ HỒNG	CHINH	02/04/1998	YDK.38A	
8	1651010063	PHAN THỊ	DUNG	02/02/1997	YDK.38A	
9	1651010064	VŨ THÙY	DUNG	22/09/1998	YDK.38A	
10	1651010080	PHẠM NGỌC	ĐĂNG	27/05/1998	YDK.38A	
11	1651010090	NGUYỄN MINH	ĐỨC	24/04/1998	YDK.38A	
12	1651010095	TRỊNH THỊ	GIANG	09/09/1997	YDK.38A	
13	1651010120	NGUYỄN THỊ MỸ	HẠNH	14/03/1998	YDK.38A	
14	1651010114	VŨ MINH	HÀNG	23/04/1998	YDK.38A	
15	1651010124	TRẦN THỊ	HIỀN	20/07/1998	YDK.38A	
16	1651010132	NHŨ ĐÌNH	HIỆP	26/06/1997	YDK.38A	
17	1651010133	Dương Trung	Hiếu	18/10/1997	YDK.38A	
18	1651010137	NGUYỄN ĐÌNH	HIỆU	06/01/1998	YDK.38A	
19	1651010145	DƯƠNG VĂN	HOÀNG	17/05/1997	YDK.38A	
20	1651010150	NGUYỄN THỊ	HUẾ	22/03/1998	YDK.38A	
21	1651010155	NGUYỄN MẠNH	HÙNG	23/01/1998	YDK.38A	
22	1651010187	NGUYỄN VĂN	LÂM	02/06/1997	YDK.38A	
23	1651010189	ĐỖ THỊ	LAN	26/01/1998	YDK.38A	
24	1651010193	PHẠM THỊ	LAN	16/07/1998	YDK.38A	
25	1651010196	Đặng Thị Hương	Liên	02/01/1997	YDK.38A	
26	1651010209	BÙI THỊ	LINH	21/08/1998	YDK.38A	
27	1651010206	ĐÀO THỊ THÙY	LINH	03/10/1998	YDK.38A	
28	1651010207	NGUYỄN THỊ	LINH	25/07/1998	YDK.38A	
29	1651010213	VŨ THỊ THÙY	LINH	30/10/1998	YDK.38A	
30	1651010226	PHẠM THỊ	LY	16/06/1998	YDK.38A	
31	1651010228	Trần Thị	Mai	26/06/1997	YDK.38A	
32	1651010231	Lê Hữu	Mạnh	19/01/1997	YDK.38A	
33	1651010233	Cầm Ngọc	Minh	05/09/1997	YDK.38A	
34	1651010250	NGUYỄN THỊ	NGÀ	04/06/1998	YDK.38A	
35	1651010251	NGUYỄN THỊ	NGÂN	30/08/1997	YDK.38A	
36	1651010257	NGUYỄN THỊ	NGỌC	15/05/1997	YDK.38A	
37	1651010276	VŨ DUY	NINH	23/01/1997	YDK.38A	
38	1651010279	LÊ ĐÌNH NGỌC	PHAN	28/01/1998	YDK.38A	
39	1651010300	NGUYỄN THỊ	PHƯỢNG	05/11/1998	YDK.38A	
40	1651010302	NGUYỄN VĂN	QUANG	14/07/1998	YDK.38A	
41	1651010301	PHẠM ĐÌNH	QUÂN	24/02/1997	YDK.38A	
42	1651010310	NGUYỄN THỊ	SÁU	13/08/1998	YDK.38A	
43	1651010332	LÊ THỊ	THẢO	06/12/1998	YDK.38A	
44	1651010344	HỒ THỊ	THU	05/09/1998	YDK.38A	
45	1651010351	VI THU	THÙY	27/06/1998	YDK.38A	
46	1651010349	Nguyễn Thị Thu	Thúy	07/09/1997	YDK.38A	
47	1651010350	VŨ THỊ THU	THÚY	10/02/1995	YDK.38A	
48	1651010364	NGUYỄN HUYỀN	TRANG	02/05/1998	YDK.38A	
49	1651010363	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRÂM	22/07/1998	YDK.38A	
50	1651010383	PHẠM VĂN	TÚ	01/08/1998	YDK.38A	
51	1651010389	NGUYỄN HUY	TƯỜNG	13/08/1998	YDK.38A	
52	1651010399	NGUYỄN HỮU	VƯỢNG	12/12/1998	YDK.38A	
1	1651010021	ĐÀO THỊ NGỌC	ANH	29/04/1998	YDK.38B	
2	1651010022	NGUYỄN THỊ QUỲNH	ANH	07/10/1998	YDK.38B	
3	1651010020	NGUYỄN TIẾN	ANH	08/08/1998	YDK.38B	
4	1651010024	PHẠM DOÀN TUẤN	ANH	04/09/1998	YDK.38B	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	LỚP	Ghi Chú
5	1651010023	VŨ LAN	ANH	22/11/1998	YDK.38B	
6	1651010037	Vi Trần	Báo	17/05/1997	YDK.38B	
7	1651010041	Dương Thị	Chang	17/01/1997	YDK.38B	
8	1651010046	NGUYỄN BĂNG	CHINH	17/07/1998	YDK.38B	
9	1651010048	NGUYỄN KỶ	CHINH	16/10/1997	YDK.38B	
10	1651010079	PHẠM THỊ	DUYỀN	26/06/1998	YDK.38B	
11	1651010070	Bùi Văn	Dương	20/10/1997	YDK.38B	
12	1651010075	NGUYỄN THỦY	DƯƠNG	14/09/1998	YDK.38B	
13	1651010082	Đỗ Thành	Đạt	16/09/1997	YDK.38B	
14	1651010081	Hoàng Đình	Đạt	20/09/1997	YDK.38B	
15	1651010091	NGUYỄN CÔNG	ĐỨC	13/02/1997	YDK.38B	
16	1651010100	NGUYỄN THỊ QUỲNH	GIAO	08/11/1998	YDK.38B	
17	1651010104	NGUYỄN THỊ	HÀ	25/02/1998	YDK.38B	
18	1651010122	ĐẶNG THỊ	HẠNH	05/01/1997	YDK.38B	
19	1651010119	NGÔ THU	HẠNH	19/05/1998	YDK.38B	
20	1651010113	NGUYỄN THỊ	HÀNG	10/04/1998	YDK.38B	
21	1651010111	VŨ THỊ	HÂN	04/09/1998	YDK.38B	
22	1651010126	LÊ THỊ	HIỀN	20/06/1997	YDK.38B	
23	1651010172	PHẠM THỊ DIỆU	HUYỀN	26/10/1997	YDK.38B	
24	1651010157	ĐINH XUÂN	HUNG	27/10/1998	YDK.38B	
25	1651010179	NGUYỄN MẠNH	KHOÁNG	14/10/1998	YDK.38B	
26	1651010183	Lò Minh	Kiên	13/02/1997	YDK.38B	
27	1651010186	VŨ TÙNG	LÂM	12/10/1998	YDK.38B	
28	1651010212	NGUYỄN DIỆU	LINH	02/06/1998	YDK.38B	
29	1651010211	NGUYỄN THỊ	LINH	27/05/1998	YDK.38B	
30	1651010208	NGUYỄN THỊ TÚ	LINH	05/07/1998	YDK.38B	
31	1651010220	NGUYỄN DUY	LONG	20/01/1998	YDK.38B	
32	1651010252	PHẠM THỊ KIM	NGÂN	11/10/1998	YDK.38B	
33	1651010254	NGUYỄN DUY	NGHĨA	07/02/1998	YDK.38B	
34	1651010275	NGUYỄN TUẤN KHÁNH	NINH	26/10/1998	YDK.38B	
35	1651010295	NGUYỄN THỊ NGỌC	PHƯƠNG	13/11/1998	YDK.38B	
36	1651010334	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	15/07/1998	YDK.38B	
37	1651010316	NGUYỄN THỊ	THẨM	20/03/1998	YDK.38B	
38	1651010341	VŨ HỒNG	THOAN	17/09/1998	YDK.38B	
39	1651010358	NGUYỄN HỮU	TOÀN	25/04/1998	YDK.38B	
40	1651010376	HOÀNG HUYỀN	TRANG	16/08/1997	YDK.38B	
41	1651010365	NGUYỄN THU	TRANG	06/01/1996	YDK.38B	
42	1551010435	TRẦN THỊ	TRANG	22/08/1997	YDK.38B	
43	1651010372	TRẦN THỊ	TRANG	30/08/1997	YDK.38B	
44	1651010379	NGUYỄN THỊ KIỀU	TRINH	25/06/1997	YDK.38B	
45	1651010386	BÙI VIỆT	TUẤN	30/05/1998	YDK.38B	
46	1651010393	ĐỖ THU	UYÊN	18/02/1998	YDK.38B	
47	1651010394	PHẠM THỊ BÍCH	VÂN	04/12/1997	YDK.38B	
48	1651010400	ĐINH THỊ THU	XUÂN	09/06/1998	YDK.38B	
49	1651010405	NGUYỄN THỊ NGỌC	YÊN	27/10/1998	YDK.38B	
50	1651010402	Trương Thị	Yên	19/08/1997	YDK.38B	
1	1651010026	ĐẶNG NGỌC	ANH	13/08/1998	YDK.38C	
2	1651010002	Hà Đặng Phương	Anh	20/07/1997	YDK.38C	
3	1651010029	LÊ HẢI	ANH	21/10/1998	YDK.38C	
4	1651010030	NGÔ VIỆT DUY	ANH	14/03/1998	YDK.38C	
5	1651010025	NGUYỄN HOÀNG	ANH	16/03/1997	YDK.38C	
6	1651010027	PHẠM HIỀN	ANH	03/12/1998	YDK.38C	
7	1651010028	PHẠM MINH	ANH	29/04/1997	YDK.38C	
8	1651010056	CAO ĐỨC	CƯỜNG	12/07/1998	YDK.38C	
9	1651010054	TRẦN MẠNH	CƯỜNG	20/05/1997	YDK.38C	
10	1651010066	TRẦN THỊ	DUNG	21/11/1998	YDK.38C	
11	1651010078	HOÀNG VĂN	DUY	03/07/1998	YDK.38C	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	LỚP	Ghi Chú
12	1651010077	TRẦN CHÍ	DUY	13/01/1998	YDK.38C	
13	1651010074	BÙI THỦY	DƯƠNG	03/11/1996	YDK.38C	
14	1651010088	TRIỆU QUẢNG	ĐÔNG	02/09/1998	YDK.38C	
15	1651010108	DIÊM THỊ	HÀ	08/03/1998	YDK.38C	
16	1651010103	TRẦN NGUYỆT	HÀ	14/03/1998	YDK.38C	
17	1651010121	BÙI THỊ MỸ	HẠNH	19/12/1998	YDK.38C	
18	1651010115	VŨ THỊ	HẰNG	25/01/1998	YDK.38C	
19	1651010146	NGUYỄN PHỤNG	HOÀNG	23/10/1998	YDK.38C	
20	1651010153	Hoàng Thị	Huệ	01/11/1997	YDK.38C	
21	1651010156	Hoàng Việt	Hung	11/05/1997	YDK.38C	
22	1651010158	TRẦN DUY	HƯNG	01/08/1998	YDK.38C	
23	1651010180	HÀ XUÂN	KHÔI	05/04/1998	YDK.38C	
24	1651010192	NGUYỄN THỊ	LAN	18/01/1998	YDK.38C	
25	1651010199	BÙI HỒNG	LIM	08/04/1998	YDK.38C	
26	1651010201	Đinh Thị Thùy	Linh	26/09/1997	YDK.38C	
27	1651010215	NGUYỄN THỊ	LINH	11/03/1993	YDK.38C	
28	1651010224	Sa Thị	Luyện	07/08/1997	YDK.38C	
29	1651010221	TÔ THỊ	LƯƠNG	24/05/1998	YDK.38C	
30	1651010234	TRƯƠNG VĂN	MINH	07/07/1998	YDK.38C	
31	1651010242	LÊ THANH	NAM	24/09/1998	YDK.38C	
32	1651010246	NGUYỄN THỊ	NGA	27/10/1997	YDK.38C	
33	1651010247	VŨ THỊ HẰNG	NGA	05/01/1998	YDK.38C	
34	1651010253	ĐỖ THANH	NGHỊ	06/01/1998	YDK.38C	
35	1651010272	NGUYỄN THỊ	NHUNG	09/11/1997	YDK.38C	
36	1651010297	LÊ THỊ	PHƯƠNG	22/02/1997	YDK.38C	
37	1651010314	NGUYỄN THANH	TÂM	27/07/1997	YDK.38C	
38	1651010321	MẠC THỊ ĐÌNH	THANH	11/01/1998	YDK.38C	
39	1651010323	PHẠM TIẾN	THÀNH	26/12/1998	YDK.38C	
40	1651010333	BÙI PHƯƠNG	THẢO	26/08/1998	YDK.38C	
41	1651010325	Bùi Thị Bích	Thảo	06/08/1997	YDK.38C	
42	1651010331	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	THẢO	20/02/1997	YDK.38C	
43	1651010336	ĐỖ VĂN	THIỆU	19/08/1998	YDK.38C	
44	1651010339	BÙI ĐỨC	THỌ	09/06/1994	YDK.38C	
45	1651010346	NGUYỄN ĐỨC	THUẬN	13/06/1998	YDK.38C	
46	1651010356	NGUYỄN VĂN	TOÁN	25/11/1998	YDK.38C	
47	1651010388	DƯƠNG XUÂN	TÙNG	30/05/1998	YDK.38C	
48	1651010390	Trần Thị	Tuyết	21/03/1997	YDK.38C	
49	1651010398	HÀ CÔNG	VŨNG	26/02/1998	YDK.38C	
1	1651010017	CHU THỊ VÂN	ANH	31/05/1998	YDK.38D	
2	1651010018	NGUYỄN THỊ MINH	ANH	26/06/1998	YDK.38D	
3	1651010003	Nông Việt	Anh	18/07/1997	YDK.38D	
4	1651010033	PHẠM THỊ NGỌC	ÁNH	16/08/1998	YDK.38D	
5	1651010036	Hoàng Sao	Băng	25/09/1997	YDK.38D	
6	1651010039	ĐOÀN HẢI	BÌNH	16/12/1998	YDK.38D	
7	1651010042	NGUYỄN THỊ	CHANG	10/04/1998	YDK.38D	
8	1651010053	HOÀNG THỊ KIM	CÚC	08/09/1998	YDK.38D	
9	1651010061	LÊ THỊ	DINH	25/11/1997	YDK.38D	
10	1651010069	CAO VIỆT	DŨNG	12/03/1997	YDK.38D	
11	1651010084	PHẠM HUY	ĐẠT	11/03/1998	YDK.38D	
12	1651010096	LÊ THỊ	GIANG	29/11/1998	YDK.38D	
13	1651010102	Dương Thúy	Hà	30/10/1997	YDK.38D	
14	1651010105	ĐẶNG NAM	HÀ	11/12/1998	YDK.38D	
15	1651010109	LÊ THỊ	HẢI	22/07/1998	YDK.38D	
16	1651010112	ĐỖ THỊ THÚY	HẰNG	25/03/1998	YDK.38D	
17	1651010123	BÙI THỊ MAI	HIỀN	19/03/1998	YDK.38D	
18	1651010131	NGUYỄN THỊ	HIỀN	06/09/1998	YDK.38D	
19	1651010139	Ngô Thu	Hòa	28/02/1997	YDK.38D	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	LỚP	Ghi Chú
20	1651010140	NGUYỄN THỊ NHẬT	HÒA	01/10/1998	YDK.38D	
21	1651010143	LÊ MẠNH	HOÀN	02/04/1996	YDK.38D	
22	1651010142	TRẦN THẾ	HOÀN	15/06/1998	YDK.38D	
23	1651010148	PHAN VĂN	HQC	24/01/1998	YDK.38D	
24	1651010147	TRẦN QUANG	HQC	05/10/1998	YDK.38D	
25	1651010173	ĐÀO THỊ	HUYỀN	06/12/1998	YDK.38D	
26	1651010161	PHẠM THỊ THANH	HƯƠNG	22/09/1998	YDK.38D	
27	1651010165	VŨ THỊ	HƯƠNG	27/04/1998	YDK.38D	
28	1651010182	LÊ THỊ	KHUYÊN	01/11/1998	YDK.38D	
29	1651010205	LÊ QUANG	LINH	09/03/1998	YDK.38D	
30	1651010203	NGÔ MAI	LINH	14/08/1997	YDK.38D	
31	1651010202	TRẦN THUY	LINH	18/01/1998	YDK.38D	
32	1651010222	Hoàng Thị	Luyên	07/09/1997	YDK.38D	
33	1651010236	NGÔ THỊ TUYẾT	MINH	03/11/1998	YDK.38D	
34	1651010249	NGÔ THỊ THANH	NGA	18/02/1998	YDK.38D	
35	1651010259	NGUYỄN ĐOÀN BÍCH	NGOC	22/09/1998	YDK.38D	
36	1651010263	TRẦN THỊ	NGUYỆT	12/12/1997	YDK.38D	
37	1651010265	Nông Thị Thanh	Nhân	03/10/1997	YDK.38D	
38	1651010273	TRẦN THỊ	NHUNG	07/08/1998	YDK.38D	
39	1651010278	NGUYỄN THỊ	OANH	28/09/1997	YDK.38D	
40	1651010283	Bùi Chí	Phương	11/05/1997	YDK.38D	
41	1651010285	LƯƠNG THỊ LÂM	PHƯƠNG	08/08/1998	YDK.38D	
42	1651010304	LÊ THANH	QUÝ	10/08/1998	YDK.38D	
43	1651010307	TRỊNH THỊ	QUYÊN	25/09/1998	YDK.38D	
44	1651010322	NGUYỄN PHÚC	THÀNH	11/09/1998	YDK.38D	
45	1651010342	NÔNG THỊ	THOM	15/08/1998	YDK.38D	
46	1651010345	NGUYỄN THỊ	THU	21/08/1998	YDK.38D	
47	1651010366	NGÔ THỊ HÀ	TRANG	02/01/1998	YDK.38D	
48	1651010367	NGUYỄN THUY	TRANG	20/03/1998	YDK.38D	
49	1651010378	PHẠM PHƯƠNG	TRINH	01/12/1998	YDK.38D	
50	1651010385	PHẠM XUÂN	TƯ	23/01/1998	YDK.38D	
51	1651010403	PHẠM THỊ	YẾN	15/05/1998	YDK.38D	
52	1651010404	PHẠM THỊ HẢI	YẾN	16/08/1997	YDK.38D	
1	1651010015	LÊ TUẤN	ANH	29/01/1997	YDK.38E	
2	1651010012	NGUYỄN PHÚC	ANH	06/09/1998	YDK.38E	
3	1651010014	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	ANH	27/12/1998	YDK.38E	
4	1651010406	Trần Nguyễn Diệu	Anh	04/10/1997	YDK.38E	
5	1651010011	VŨ HOÀNG	ANH	24/12/1998	YDK.38E	
6	1651010043	Vi Văn	Chiến	03/04/1997	YDK.38E	
7	1651010068	MAI TIẾN	DŨNG	16/01/1997	YDK.38E	
8	1651010071	PHẠM PHÚ	DƯƠNG	04/06/1998	YDK.38E	
9	1651010072	PHẠM THỊ THUY	DƯƠNG	22/04/1998	YDK.38E	
10	1651010097	NGUYỄN HƯƠNG	GIANG	16/01/1998	YDK.38E	
11	1651010107	LÊ THỊ THU	HÀ	15/11/1998	YDK.38E	
12	1651010128	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	15/03/1998	YDK.38E	
13	1651010151	BÙI THỊ THANH	HUẾ	27/09/1998	YDK.38E	
14	1651010407	Đình Quang	Huy	17/02/1995	YDK.38E	
15	1651010171	Phạm Thị	Huyền	14/06/1998	YDK.38E	
16	1651010159	NGUYỄN PHÙNG	HÙNG	27/11/1998	YDK.38E	
17	1651010408	Bùi Thị Thanh	Hương	17/04/1996	YDK.38E	
18	1651010160	PHẠM THỊ THANH	HƯƠNG	09/09/1998	YDK.38E	
19	1651010168	NGUYỄN THỊ	HƯỜNG	26/10/1998	YDK.38E	
20	1651010177	LÊ THỊ	KHÁNH	10/10/1998	YDK.38E	
21	1651010188	KIỀU THỊ	LAN	08/12/1998	YDK.38E	
22	1651010200	Hoàng Thị Phương	Linh	26/10/1997	YDK.38E	
23	1651010216	NGUYỄN HOÀI	LINH	27/10/1997	YDK.38E	
24	1651010210	NGUYỄN THỊ TÚ	LINH	02/11/1998	YDK.38E	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	LỚP	Ghi Chú
25	1651010217	NGUYỄN THÙY	LINH	08/12/1998	YDK.38E	
26	1651010223	NGUYỄN THỊ	LUYẾN	07/03/1998	YDK.38E	
27	1651010227	LÊ THỊ KHÁNH	LY	02/08/1998	YDK.38E	
28	1651010229	NGUYỄN THỊ THANH	MAI	28/02/1998	YDK.38E	
29	1651010239	NGUYỄN THỊ HÀ	MY	04/01/1998	YDK.38E	
30	1651010240	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	07/12/1997	YDK.38E	
31	1651010243	NGHIÊM PHƯƠNG	NAM	19/12/1998	YDK.38E	
32	1651010244	NGUYỄN THỊ	NGA	16/11/1998	YDK.38E	
33	1651010255	NGUYỄN HUY	NGHIÊM	23/11/1998	YDK.38E	
34	1651010258	ĐOÀN THỊ HỒNG	NGOC	04/11/1998	YDK.38E	
35	1651010262	HÀ TRUNG	NGUYỄN	14/01/1998	YDK.38E	
36	1651010264	LƯƠNG THỊ	NGUYỆT	21/10/1998	YDK.38E	
37	1651010270	DƯƠNG HỒNG	NHUNG	17/11/1998	YDK.38E	
38	1651010271	ĐOÀN THỊ CẨM	NHUNG	03/12/1998	YDK.38E	
39	1651010277	VŨ THỊ VÂN	OANH	13/03/1998	YDK.38E	
40	1651010296	NGUYỄN THỊ MAI	PHƯƠNG	20/07/1998	YDK.38E	
41	1651010294	VŨ THỊ MAI	PHƯƠNG	04/09/1998	YDK.38E	
42	1651010299	TRẦN THỊ BÍCH	PHƯƠNG	24/04/1998	YDK.38E	
43	1651010309	PHẠM VĂN	SANG	08/09/1998	YDK.38E	
44	1651010329	ĐOÀN THỊ THU	THẢO	01/02/1998	YDK.38E	
45	1651010317	VŨ THỊ HỒNG	THẨM	22/06/1998	YDK.38E	
46	1651010338	NGUYỄN THẠCH	THỊNH	01/05/1997	YDK.38E	
47	1651010352	NGUYỄN THỊ	THÙY	11/10/1997	YDK.38E	
48	1651010348	NGUYỄN THỊ HOÀI	THƯƠNG	17/05/1998	YDK.38E	
49	1651010355	BÙI ĐỨC	TÍN	19/10/1997	YDK.38E	
50	1651010373	ĐỖ THANH	TRANG	28/03/1998	YDK.38E	
51	1651010371	NGUYỄN THỊ	TRANG	12/10/1998	YDK.38E	
52	1651010377	NGUYỄN THU	TRANG	18/02/1998	YDK.38E	
53	1651010384	NGUYỄN NGỌC	TÚ	17/12/1998	YDK.38E	
54	1651010395	ĐẶNG THUY	VÂN	08/01/1998	YDK.38E	
1	1651010016	NGUYỄN ĐỨC	ANH	10/05/1998	YDK.38F	
2	1651010040	NGUYỄN THỊ THANH	BÌNH	16/06/1998	YDK.38F	
3	1651010049	ĐẶNG THÀNH	CHÍNH	02/12/1998	YDK.38F	
4	1651010050	PHÙNG DANH	CHÍNH	22/10/1998	YDK.38F	
5	1651010059	NGUYỄN VIỆT	DIỆU	22/11/1998	YDK.38F	
6	1651010065	LẠI THỊ KIM	DUNG	27/12/1998	YDK.38F	
7	1651010094	NGUYỄN VĂN	ĐỨC	06/08/1997	YDK.38F	
8	1651010101	Lý Thị Thu	Hà	24/05/1997	YDK.38F	
9	1651010118	NGUYỄN VIỆT	HANH	02/10/1996	YDK.38F	
10	1651010129	ĐÀO THỊ	HIỀN	29/08/1998	YDK.38F	
11	1651010125	LÊ THỊ THU	HIỀN	28/10/1998	YDK.38F	
12	1651010127	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	25/04/1998	YDK.38F	
13	1651010163	NGUYỄN DIỄM	HƯƠNG	22/06/1998	YDK.38F	
14	1651010164	TRỊNH THU	HƯƠNG	10/11/1998	YDK.38F	
15	1651010167	NGUYỄN THỊ	HƯỜNG	14/05/1998	YDK.38F	
16	1651010174	DOÀN VĂN	KHẢI	18/03/1998	YDK.38F	
17	1651010178	NGUYỄN THỊ KIM	KHÁNH	06/03/1998	YDK.38F	
18	1651010194	BÙI THỊ	LAN	07/07/1998	YDK.38F	
19	1651010190	NGUYỄN THỊ	LAN	20/07/1998	YDK.38F	
20	1651010191	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	LAN	11/10/1998	YDK.38F	
21	1651010197	HẠ THỊ THÙY	LIÊN	11/06/1998	YDK.38F	
22	1651010198	NGÔ THỊ	LIÊN	09/05/1997	YDK.38F	
23	1651010204	TRẦN THỊ MỸ	LINH	20/03/1998	YDK.38F	
24	1651010219	Nguyễn Việt	Long	01/01/1997	YDK.38F	
25	1651010225	PHẠM HƯƠNG	LY	01/07/1998	YDK.38F	
26	1651010248	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGA	11/03/1998	YDK.38F	
27	1651010245	PHẠM THỊ THÚY	NGA	20/07/1998	YDK.38F	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	LỚP	Ghi Chú
28	1651010260	ĐỖ HỒNG	NGỌC	20/02/1997	YDK.38F	
29	1651010256	Hoàng Thị	Ngọc	15/02/1997	YDK.38F	
30	1651010261	NGUYỄN MỸ	NGỌC	29/08/1998	YDK.38F	
31	1651010266	VŨ THỊ THANH	NHÂN	28/08/1998	YDK.38F	
32	1651010268	TRƯƠNG THỊ HUYỀN	NHI	01/01/1998	YDK.38F	
33	1651010286	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	18/12/1998	YDK.38F	
34	1651010288	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	28/02/1998	YDK.38F	
35	1651010284	NGUYỄN THỊ THU	PHƯƠNG	20/03/1998	YDK.38F	
36	1651010289	VŨ THỊ	PHƯƠNG	25/01/1997	YDK.38F	
37	1651010305	LÊ THU	QUYÊN	23/01/1998	YDK.38F	
38	1651010330	ĐẶNG THỊ	THẢO	29/11/1998	YDK.38F	
39	1651010326	Trần Thạch	Thảo	09/07/1997	YDK.38F	
40	1651010347	NGUYỄN DUY	THỨC	15/11/1997	YDK.38F	
41	1651010370	PHẠM THỊ THU	TRANG	04/02/1998	YDK.38F	
42	1651010374	TRẦN HUYỀN	TRANG	13/07/1998	YDK.38F	
43	1651010375	TRẦN THẢO	TRANG	16/08/1998	YDK.38F	
44	1651010362	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRÂM	13/03/1998	YDK.38F	
45	1651010380	PHẠM HOÀNG	TRUNG	02/12/1998	YDK.38F	
46	1651010381	PHẠM VĂN	TRUNG	11/11/1998	YDK.38F	
47	1651010391	NGUYỄN THỊ	TUYẾT	01/08/1998	YDK.38F	
48	1651010392	NGUYỄN THU	UYÊN	23/07/1998	YDK.38F	
49	1651010396	LÊ HOÀNG TUẤN	VŨ	14/08/1998	YDK.38F	
1	1651010019	NGUYỄN NGỌC	ANH	12/10/1997	YDK.38G	
2	1651010034	NGUYỄN THỊ	ÁNH	21/08/1998	YDK.38G	
3	1651010044	NGUYỄN DUY	CHIẾN	10/09/1998	YDK.38G	
4	1651010052	Bế Thị	Cúc	15/10/1997	YDK.38G	
5	1651010055	NGUYỄN HỮU	CƯỜNG	10/09/1998	YDK.38G	
6	1651010057	TRẦN DUY	CƯỜNG	09/09/1997	YDK.38G	
7	1651010058	Dương Thị	Diễm	29/06/1997	YDK.38G	
8	1651010067	Phạm Tiến	Dũng	08/12/1997	YDK.38G	
9	1651010073	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	06/02/1998	YDK.38G	
10	1651010083	ĐÀO TIẾN	ĐẠT	09/03/1998	YDK.38G	
11	1651010086	HOÀNG VĂN	ĐIỆP	04/04/1998	YDK.38G	
12	1651010089	HỒ CÔNG	ĐÔNG	02/12/1995	YDK.38G	
13	1651010099	NGUYỄN THỊ	GIANG	21/10/1998	YDK.38G	
14	1651010098	NGUYỄN THỊ QUỲNH	GIANG	26/05/1997	YDK.38G	
15	1651010130	HOÀNG THU	HIỀN	02/12/1998	YDK.38G	
16	1651010135	ĐỖ MINH	HIẾU	17/09/1998	YDK.38G	
17	1651010136	Tô Vũ	Hiệu	29/03/1997	YDK.38G	
18	1651010138	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	HOA	23/06/1998	YDK.38G	
19	1651010152	NGUYỄN THỊ	HUẾ	07/11/1998	YDK.38G	
20	1651010154	ĐÀM QUỐC	HÙNG	23/10/1998	YDK.38G	
21	1651010170	Nguyễn Thị Thu	Huyền	22/04/1997	YDK.38G	
22	1651010162	ĐỖ THỊ	HƯƠNG	19/05/1998	YDK.38G	
23	1651010166	Vũ Thị	Hường	29/10/1997	YDK.38G	
24	1651010214	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	02/12/1998	YDK.38G	
25	1651010230	VŨ THỊ	MAI	02/12/1998	YDK.38G	
26	1651010232	PHẠM NGỌC	MẠNH	02/02/1998	YDK.38G	
27	1651010238	LỤC THỊ	MƠ	26/07/1998	YDK.38G	
28	1651010237	Vì Thị Thùy	Mơ	13/06/1997	YDK.38G	
29	1651010241	DƯƠNG THỊ THẢO	MY	04/08/1998	YDK.38G	
30	1651010269	HOÀNG THỊ VĂN	NHUNG	30/03/1998	YDK.38G	
31	1651010280	NGUYỄN TĂNG	PHÁT	25/11/1998	YDK.38G	
32	1651010281	NGÔ VĂN	PHIÊN	25/05/1997	YDK.38G	
33	1651010282	VŨ VĂN	PHÚC	11/04/1998	YDK.38G	
34	1651010292	NGÔ THỊ THU	PHƯƠNG	20/07/1998	YDK.38G	
35	1651010303	PHẠM VIỆT	QUANG	29/04/1998	YDK.38G	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	LỚP	Ghi Chú
36	1651010306	LƯU THỊ QUYÊN	21/10/1998	YDK.38G	
37	1651010312	LÊ THẾ SƠN	08/12/1998	YDK.38G	
38	1651010313	GIÀNG A SỸ	16/10/1996	YDK.38G	
39	1651010319	Lý Đỗ Thanh	08/09/1997	YDK.38G	
40	1651010320	NGUYỄN TRẦN DUY THANH	08/11/1998	YDK.38G	
41	1651010328	LÊ THỊ THẢO	08/08/1998	YDK.38G	
42	1651010335	TRẦN VĂN THẠO	11/02/1998	YDK.38G	
43	1651010340	NÔNG LỆ THOA	17/02/1998	YDK.38G	
44	1651010343	HÀ ANH THỐNG	20/09/1998	YDK.38G	
45	1651010353	PHẠM THỊ THÙY	13/08/1998	YDK.38G	
46	1651010354	PHẠM VĂN TIẾN	01/01/1997	YDK.38G	
47	1651010359	NGÔ XUÂN TOÀN	22/10/1997	YDK.38G	
48	1651010368	BÙI THỊ THU TRANG	03/04/1998	YDK.38G	
49	1651010369	LÊ THỊ KIỀU TRANG	17/11/1998	YDK.38G	
50	1651010382	NGUYỄN ĐỨC TRUNG	03/12/1998	YDK.38G	
51	1651010401	LÂM THỊ THANH XUÂN	01/02/1998	YDK.38G	
1	1651010001	TẠ THÚY AN	19/11/1997	YDK.38H	
2	1651010013	ĐỖ TUẤN ANH	26/01/1998	YDK.38H	
3	1651010010	NGUYỄN NGỌC ANH	21/07/1998	YDK.38H	
4	1651010006	NGUYỄN THỊ HÀ ANH	25/02/1998	YDK.38H	
5	1651010004	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	08/01/1998	YDK.38H	
6	1651010005	PHẠM THỊ NGỌC ANH	04/11/1998	YDK.38H	
7	1651010038	BÙI THỊ NGỌC BÍCH	26/08/1997	YDK.38H	
8	1651010045	TRỊNH THỊ CHINH	20/10/1998	YDK.38H	
9	1651010051	Phạm Văn Chung	26/10/1997	YDK.38H	
10	1551010051	TRẦN VĂN CUÔNG	29/09/1997	YDK.38H	
11	1651010060	Lục Thị Dim	27/06/1996	YDK.38H	
12	1651010062	LÊ ĐỨC DUÂN	13/06/1998	YDK.38H	
13	1651010076	ĐÀO KHÁNH DUY	17/09/1998	YDK.38H	
14	1651010085	HOÀNG TIẾN ĐẠT	25/05/1998	YDK.38H	
15	1651010087	ĐỖ THỊ ĐÔNG	11/11/1998	YDK.38H	
16	1651010092	NGUYỄN VĂN ĐỨC	30/07/1998	YDK.38H	
17	1651010093	TẠ MINH ĐỨC	07/08/1998	YDK.38H	
18	1651010106	NGUYỄN THỊ HÀ	22/04/1998	YDK.38H	
19	1651010110	NGUYỄN CHIÊU HẢI	15/11/1998	YDK.38H	
20	1651010117	LÊ THỊ HẰNG	05/04/1998	YDK.38H	
21	1651010116	NGUYỄN THỊ HẰNG	10/03/1996	YDK.38H	
22	1651010134	ĐINH VĂN HIỀU	07/05/1997	YDK.38H	
23	1651010141	VŨ DUY HÒA	30/09/1998	YDK.38H	
24	1651010144	Lâm Việt Hoàng	02/11/1994	YDK.38H	
25	1651010149	Nguyễn Thị Hồng	28/08/1997	YDK.38H	
26	1651010169	NGUYỄN SĨ HUY	26/02/1996	YDK.38H	
27	1651010175	CHU VĂN KHẢI	11/10/1997	YDK.38H	
28	1651010176	NGUYỄN ĐÌNH KHẢI	31/08/1998	YDK.38H	
29	1651010181	Nguyễn Thị Kim Khuyển	16/02/1997	YDK.38H	
30	1651010184	BÙI VĂN KIÊN	17/09/1998	YDK.38H	
31	1651010185	PHẠM VĂN KIÊN	01/05/1998	YDK.38H	
32	1651010195	Cao Thảo Li	21/01/1997	YDK.38H	
33	1651010218	NGUYỄN THỊ LỘC	13/12/1998	YDK.38H	
34	1651010235	TRẦN MINH	30/10/1998	YDK.38H	
35	1651010267	Quản Trọng Nhân	05/10/1997	YDK.38H	
36	1651010274	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	17/10/1998	YDK.38H	
37	1651010290	CAO VIỆT PHƯƠNG	24/09/1998	YDK.38H	
38	1651010293	NGUYỄN ANH PHƯƠNG	04/01/1999	YDK.38H	
39	1651010291	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	25/06/1998	YDK.38H	
40	1651010298	NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG	10/10/1998	YDK.38H	
41	1651010287	VŨ THỊ THU PHƯƠNG	10/10/1998	YDK.38H	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA K32+ DƯỢC LT.K2

Khóa học : 2016_2020

Loại hình đào tạo : Chuyên Tu

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ TÊN		Ngày sinh	Giới tính	Lớp
1	1631010083	Đỗ Quốc	Anh	20/04/1992	Nam	CT32A
2	1631010082	Trình Tuấn	Anh	14/02/1992	Nam	CT32A
3	1631010086	Lê Thị Ngọc	Ánh	05/10/1990	Nữ	CT32A
4	1631010085	Lê Quý	Anh	26/01/1992	Nam	CT32A
5	1631010084	Nguyễn Tuấn	Anh	04/10/1987	Nam	CT32A
6	1631010087	Nguyễn Thị	Cảnh	26/02/1990	Nữ	CT32A
7	1631010088	Trần Minh	Chiến	23/12/1990	Nam	CT32A
8	1631010089	Vũ Văn	Chuẩn	09/12/1990	Nam	CT32A
9	1631010091	Lê Việt	Công	26/09/1989	Nam	CT32A
10	1631010090	Trần Chí	Công	14/06/1988	Nam	CT32A
11	1631010092	Nguyễn Đăng	Cương	14/10/1988	Nam	CT32A
12	1631010093	Phạm Anh	Cường	11/09/1990	Nam	CT32A
13	1631010094	Nguyễn Thị	Dung	16/07/1990	Nữ	CT32A
14	1631010095	Nguyễn Văn	Dũng	07/12/1992	Nam	CT32A
15	1631010096	Phạm Văn	Dũng	04/06/1991	Nam	CT32A
16	1631010098	Nguyễn Thị	Duyên	13/04/1984	Nữ	CT32A
17	1631010097	Phạm Văn	Dương	04/06/1989	Nam	CT32A
18	1631010099	Trình Tổ	Đăng	10/05/1984	Nam	CT32A
19	1631010100	Trần Văn	Diễn	05/08/1990	Nam	CT32A
20	1631010101	Nguyễn Công	Đức	01/02/1991	Nam	CT32A
21	1631010102	Nguyễn Quý	Đức	13/11/1991	Nam	CT32A
22	1631010103	Nguyễn Việt	Hà	23/05/1991	Nam	CT32A
23	1631010104	Trương Văn	Hạ	01/05/1990	Nam	CT32A
24	1631010105	Hà Thị Hoàng	Hải	05/11/1990	Nữ	CT32A
25	1631010107	Đinh Thị	Hào	09/10/1986	Nữ	CT32A
26	1631010106	Hoàng Thị	Hằng	05/12/1985	Nữ	CT32A
27	1631010108	Đỗ Thị	Hòa	20/08/1990	Nữ	CT32A
28	1631010109	Nguyễn Thị Thu	Hoài	16/11/1989	Nữ	CT32A
29	1631010110	Nguyễn Văn	Hoan	03/04/1983	Nam	CT32A
30	1631010111	Nguyễn Xuân	Hoàng	28/11/1991	Nam	CT32A
31	1631010112	Cần Đình	Hợp	14/07/1990	Nam	CT32A
32	1631010113	Hoàng Quốc	Hợp	11/09/1984	Nam	CT32A
33	1631010114	Nguyễn Đình	Huân	19/08/1990	Nam	CT32A
34	1631010115	Nguyễn Thị	Huê	23/03/1991	Nữ	CT32A
35	1631010116	Bùi Mạnh	Hùng	31/07/1983	Nam	CT32A
36	1631010117	Đỗ Việt	Hùng	21/08/1990	Nam	CT32A
37	1631010118	Cao Đức	Hưng	15/04/1992	Nam	CT32A
38	1631010119	Đào Thanh	Hương	22/04/1990	Nữ	CT32A
39	1631010120	Nguyễn Văn	Kiên	03/10/1983	Nam	CT32A
40	1631010121	Nguyễn Thị	Lan	09/09/1985	Nữ	CT32A
41	1631010122	Phạm Vũ	Linh	07/11/1992	Nam	CT32A
42	1631010123	Trần Xuân	Linh	12/06/1990	Nam	CT32A
43	1631010124	Vũ Duy	Linh	13/07/1991	Nam	CT32A

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	LỚP	Ghi Chú
42	1651010308	HOÀNG NHƯ	QUỲNH	21/03/1998	YDK.38H	
43	1651010311	TRẦN VĂN	SƠN	17/04/1998	YDK.38H	
44	1651010315	Hoàng Trọng	Tấn	08/12/1997	YDK.38H	
45	1651010324	NGUYỄN VĂN	THAO	25/03/1998	YDK.38H	
46	1651010327	Triệu Ngọc	Thảo	01/12/1997	YDK.38H	
47	1651010318	NGHIÊM ĐỨC	THẮNG	25/11/1998	YDK.38H	
48	1651010337	NGUYỄN TIẾN	THỊNH	15/07/1998	YDK.38H	
49	1651010357	NGUYỄN HUY	TOÀN	10/07/1998	YDK.38H	
50	1651010360	PHẠM THU	TRÀ	16/07/1998	YDK.38H	
51	1651010361	TRƯƠNG THU	TRÀ	10/02/1998	YDK.38H	
52	1651010387	NGUYỄN SƠN	TÙNG	28/04/1998	YDK.38H	
53	1651010397	PHẠM TUẤN	VŨ	02/01/1996	YDK.38H	

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ TÊN		Ngày sinh	Giới tính	Lớp
44	1631010125	Dương Tiến	Lực	06/12/1988	Nam	CT32A
45	1631010127	Nguyễn Văn	Mạnh	08/01/1991	Nam	CT32A
46	1631010126	Vũ Đức	Mạnh	28/11/1988	Nam	CT32A
47	1631010128	Trần Văn	Minh	23/09/1990	Nam	CT32A
48	1631010129	Phạm Thị Bích	Ngọc	06/03/1992	Nữ	CT32A
49	1631010130	Nguyễn Thị	Nhật	25/04/1992	Nữ	CT32A
50	1631010131	Nguyễn Thị	Oanh	07/08/1992	Nữ	CT32A
51	1631010133	Đặng Xuân	Quỳnh	01/06/1990	Nữ	CT32A
52	1631010132	Trần Văn	Quỳnh	26/07/1978	Nam	CT32A
53	1631010134	Nguyễn Danh	Sáng	02/12/1990	Nam	CT32A
54	1631010135	Phạm Ngọc	Sơn	16/11/1991	Nam	CT32A
55	1631010136	Đỗ Khắc	Thành	15/10/1985	Nam	CT32A
56	1631010137	Phạm Đức	Thành	22/08/1992	Nam	CT32A
57	1631010138	Vũ Thị Minh	Thảo	25/08/1990	Nữ	CT32A
58	1631010139	Trần Đức	Thịnh	21/02/1992	Nam	CT32A
59	1631010140	Nguyễn Thị	Thư	14/09/1991	Nữ	CT32A
60	1631010141	Trịnh Văn	Thương	01/10/1992	Nam	CT32A
61	1631010142	Nguyễn Quốc	Toàn	27/10/1978	Nam	CT32A
62	1631010143	Đỗ Thị	Trang	01/06/1990	Nữ	CT32A
63	1631010144	Nguyễn Văn	Trung	30/08/1987	Nam	CT32A
64	1631010145	Đinh Hữu	Trưởng	16/02/1992	Nam	CT32A
65	1631010148	Nguyễn Anh	Tuấn	29/10/1988	Nam	CT32A
66	1631010147	Nguyễn Văn	Tuấn	18/09/1984	Nam	CT32A
67	1631010146	Trần Quốc	Tuấn	20/08/1990	Nam	CT32A
68	1631010149	Trần Thanh	Tùng	11/10/1984	Nam	CT32A
69	1631010150	Nguyễn Đình	Tường	04/09/1984	Nam	CT32A
70	1631010151	Nguyễn Thị	Yến	22/11/1991	Nữ	CT32A
71	1631010002	Nguyễn Tuấn	Anh	30/11/1990	Nam	CT32B
72	1631010003	Nguyễn Tuấn	Anh	24/04/1990	Nam	CT32B
73	1631010004	Đào Ngọc	Chiến	08/03/1991	Nam	CT32B
74	1631010005	Nguyễn Văn	Chiến	22/06/1992	Nam	CT32B
75	1631010006	Đinh Quang	Chính	04/07/1991	Nam	CT32B
76	1631010007	Nguyễn Văn	Chung	15/06/1975	Nam	CT32B
77	1631010008	Đỗ Văn	Cường	25/10/1989	Nam	CT32B
78	1631010009	Dương Văn	Dũng	12/11/1990	Nam	CT32B
79	1631010010	Hoàng Anh	Dũng	11/01/1989	Nam	CT32B
80	1631010013	Lê Mạnh	Dũng	09/02/1990	Nam	CT32B
81	1631010012	Lê Trung	Dũng	29/05/1992	Nam	CT32B
82	1631010011	Nguyễn Duy	Dũng	11/08/1987	Nam	CT32B
83	1631010014	Trịnh Xuân	Đồng	20/09/1982	Nam	CT32B
84	1631010015	Nguyễn Thành	Đồng	06/08/1984	Nam	CT32B
85	1631010016	Cao Minh	Đức	19/09/1991	Nam	CT32B
86	1631010018	Hoàng Trung	Đức	22/08/1991	Nam	CT32B
87	1631010017	Vũ Minh	Đức	01/09/1991	Nam	CT32B
88	1631010021	Lê Thị	Hà	25/10/1991	Nữ	CT32B
89	1631010020	Nguyễn Ngọc	Hà	17/08/1990	Nam	CT32B
90	1631010019	Phạm Hoàng	Hà	10/05/1990	Nam	CT32B
91	1631010022	Nguyễn Hồng	Hải	31/12/1981	Nam	CT32B
92	1631010023	Trương Văn	Hải	31/03/1991	Nam	CT32B
93	1631010024	Nguyễn Trung	Hiếu	04/04/1989	Nam	CT32B

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ TÊN		Ngày sinh	Giới tính	Lớp
94	1631010025	Nguyễn Thị	Hoa	18/02/1990	Nữ	CT32B
95	1631010026	Nguyễn Thị	Hòa	17/06/1991	Nữ	CT32B
96	1631010027	Trần Văn	Hoàng	25/01/1989	Nam	CT32B
97	1631010028	Vũ Việt	Hoàng	16/08/1992	Nam	CT32B
98	1631010029	Nguyễn Văn	Huân	15/03/1983	Nam	CT32B
99	1631010030	Lương Trường	Hùng	15/07/1984	Nam	CT32B
100	1631010033	Lưu Quốc	Huy	02/09/1991	Nam	CT32B
101	1631010031	Phạm Duy	Hưng	02/09/1991	Nam	CT32B
102	1631010032	Nguyễn Văn	Hương	05/05/1981	Nam	CT32B
103	1631010034	Đặng Tuấn	Khương	21/04/1992	Nam	CT32B
104	1631010035	Đặng Yên	Lam	19/11/1992	Nữ	CT32B
105	1631010036	Phạm Đức	Long	18/12/1976	Nam	CT32B
106	1631010037	Phạm Thị	Lý	06/04/1984	Nữ	CT32B
107	1631010038	Nguyễn Tiến	Mạnh	21/02/1991	Nam	CT32B
108	1631010039	Lò Văn	May	26/07/1991	Nam	CT32B
109	1631010041	Tạ Thị	Nhài	06/03/1991	Nữ	CT32B
110	1631010042	Mai Thị	Nhung	07/03/1990	Nữ	CT32B
111	1631010043	Trần	Phú	26/08/1991	Nam	CT32B
112	1631010044	Nguyễn Đình	Phước	20/12/1977	Nam	CT32B
113	1631010045	Đoàn Văn	Quân	09/05/1992	Nam	CT32B
114	1631010046	Nguyễn Thị	Quyên	12/10/1982	Nữ	CT32B
115	1631010047	Bùi Cường	Quyên	09/07/1992	Nam	CT32B
116	1631010048	Phạm Hữu	Tâm	21/08/1987	Nam	CT32B
117	1631010049	Phan Thị Minh	Tân	16/05/1981	Nữ	CT32B
118	1631010050	Nguyễn Kim	Thành	06/12/1991	Nam	CT32B
119	1631010051	Đinh Văn	Thao	19/07/1990	Nam	CT32B
120	1631010052	Phạm Văn	Thích	05/10/1988	Nam	CT32B
121	1631010054	Tiêu Văn	Thịnh	02/10/1986	Nam	CT32B
122	1631010053	Vũ Văn	Thịnh	24/06/1987	Nam	CT32B
123	1631010056	Mạc Thị	Thu	09/09/1991	Nữ	CT32B
124	1631010055	Phạm Minh	Thu	30/03/1991	Nữ	CT32B
125	1631010057	Đinh Ngọc	Thuần	03/12/1992	Nam	CT32B
126	1631010059	Đoàn Kim	Thúy	09/04/1980	Nữ	CT32B
127	1631010058	Nguyễn Viết	Thức	23/05/1989	Nam	CT32B
128	1631010060	Hoàng Ngọc	Tiến	10/06/1990	Nam	CT32B
129	1631010061	Trần Thành	Trung	16/03/1999	Nam	CT32B
130	1631010062	Vũ Quang	Trung	11/04/1991	Nam	CT32B
131	1631010063	Trần Ngọc	Tú	09/04/1992	Nam	CT32B
132	1631010065	Bùi Anh	Tuấn	02/10/1992	Nam	CT32B
133	1631010064	Nguyễn Trần	Tuấn	11/11/1991	Nam	CT32B
134	1631010066	Trần Anh	Tuấn	03/02/1985	Nam	CT32B
135	1631010068	Nguyễn Thanh	Tùng	07/12/1990	Nam	CT32B
136	1631010067	Phan Thanh	Tùng	12/12/1987	Nam	CT32B
137	1631010069	Nguyễn Văn	Tuyền	21/11/1992	Nam	CT32B
138	1631010070	Giang Cẩm	Vân	08/09/1987	Nữ	CT32B
139	1631010071	Vũ Quang	Vinh	04/11/1991	Nam	CT32B
140	1631010072	Lê Thị Hải	Xuân	25/12/1991	Nữ	CT32B
141	1634010152	Mạc Thị	Anh	05/11/1990	Nữ	CT32C
142	1634010151	Phạm Thế	Anh	22/03/1990	Nam	CT32C
143	1634010153	Lục Văn	Bằng	21/09/1985	Nam	CT32C

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ TÊN		Ngày sinh	Giới tính	Lớp
144	1634010154	Lê Anh	Biên	17/06/1987	Nam	CT32C
145	1634010155	Nguyễn Hữu	Công	22/08/1983	Nam	CT32C
146	1634010156	Phạm Hồng	Cư	08/02/1990	Nam	CT32C
147	1634010158	Lê Văn	Cương	12/12/1984	Nam	CT32C
148	1634010157	Nguyễn Trí	Cương	05/03/1987	Nam	CT32C
149	1634010160	Vũ Ngọc	Duy	30/08/1990	Nam	CT32C
150	1634010159	Hà Đại	Dương	20/09/1992	Nam	CT32C
151	1634010161	Trần Mạnh	Hà	25/02/1984	Nam	CT32C
152	1634010162	Phạm Văn	Hải	30/08/1984	Nam	CT32C
153	1634010163	Trần Thanh	Hải	20/10/1991	Nam	CT32C
154	1634010164	Trần Thị Bích	Hằng	26/11/1988	Nữ	CT32C
155	1634010165	Phùng Thị	Hậu	17/05/1984	Nữ	CT32C
156	1634010166	Phạm Huy	Hoàng	23/08/1988	Nam	CT32C
157	1634010173	Lê Quang	Huy	15/10/1990	Nam	CT32C
158	1634010172	Trần Trung	Huy	06/12/1992	Nam	CT32C
159	1634010168	Hà Văn	Hưng	19/09/1991	Nam	CT32C
160	1634010167	Hoàng Anh	Hưng	02/01/1982	Nam	CT32C
161	1634010169	Nguyễn Thanh	Hưng	20/10/1983	Nam	CT32C
162	1634010170	Phạm Thị	Hương	24/09/1985	Nữ	CT32C
163	1634010171	Lê Lưu	Hường	25/04/1991	Nam	CT32C
164	1634010174	Trần Minh	Khôi	19/09/1987	Nam	CT32C
165	1634010175	Đặng Văn	Khương	15/07/1984	Nam	CT32C
166	1634010176	Lê Đức	Kiên	16/05/1991	Nam	CT32C
167	1634010177	Trần Xuân	Lâm	26/02/1989	Nam	CT32C
168	1634010178	Vũ Hoàng	Long	29/11/1988	Nam	CT32C
169	1634010179	Hoàng Thị Thanh	Mai	05/11/1992	Nữ	CT32C
170	1634010180	Ngô Tuấn	Mạnh	01/06/1986	Nam	CT32C
171	1634010181	Trương Thanh	Mum	20/05/1982	Nam	CT32C
172	1634010182	Phạm Quang	Nam	05/05/1993	Nam	CT32C
173	1634010183	Nguyễn Văn	Ngọc	10/07/1989	Nam	CT32C
174	1634010184	Thái Bá	Nhân	15/10/1993	Nam	CT32C
175	1634010185	Nguyễn Văn	Nhật	20/10/1988	Nam	CT32C
176	1634010186	Bùi Thị	Niu	28/11/1993	Nữ	CT32C
177	1634010187	Bùi Minh	Phương	28/08/1987	Nam	CT32C
178	1634010188	Trần Thị Minh	Quý	20/01/1991	Nữ	CT32C
179	1634010190	Đào Văn	Sơn	24/10/1978	Nam	CT32C
180	1634010189	Mai Hoàng	Sơn	26/11/1990	Nam	CT32C
181	1634010191	Nông Công	Sự	02/07/1988	Nam	CT32C
182	1634010192	Hoàng Ngọc	Sỹ	21/06/1986	Nam	CT32C
183	1634010193	Trần Minh	Thiện	17/07/1981	Nam	CT32C
184	1634010194	Phùng Thanh	Thuận	18/03/1986	Nam	CT32C
185	1634010195	Ngô Xuân	Thủy	14/10/1992	Nam	CT32C
186	1634010197	Đỗ Thị Huyền	Trang	09/08/1990	Nữ	CT32C
187	1634010196	Nguyễn Thị Cẩm	Trang	24/12/1993	Nữ	CT32C
188	1634010198	Đình Quang	Trung	23/10/1980	Nam	CT32C
189	1634010199	Trần Đình	Trung	14/07/1987	Nam	CT32C
190	1634010201	Đỗ Văn	Tuấn	05/09/1990	Nam	CT32C
191	1634010202	Hoàng Ngọc	Tùng	05/12/1985	Nam	CT32C
192	1634010200	Trần Văn	Tư	01/02/1992	Nam	CT32C
193	1634010203	Nguyễn Thị Khải	Vân	26/12/1991	Nữ	CT32C

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ TÊN		Ngày sinh	Giới tính	Lớp
244	1634010254	Viên Ngọc Tuấn	Anh	13/06/1993	Nam	CT32E
245	1634010253	Vũ Duy	Anh	29/07/1993	Nam	CT32E
246	1634010259	Trương Kiên	Cường	20/04/1989	Nam	CT32E
247	1634010261	Hồ Quang	Dũng	02/03/1990	Nam	CT32E
248	1634010262	Nguyễn Đăng	Dương	27/08/1993	Nam	CT32E
249	1634010267	Trương Thị Thu	Hà	26/09/1991	Nữ	CT32E
250	1634010269	Bùi Việt	Hải	21/08/1992	Nam	CT32E
251	1634010268	Là Văn	Hải	05/08/1988	Nam	CT32E
252	1634010271	Đào Thị Thanh	Hằng	18/09/1991	Nữ	CT32E
253	1634010270	Lê Thị	Hằng	04/05/1967	Nữ	CT32E
254	1634010274	Nguyễn Văn	Hậu	20/05/1985	Nam	CT32E
255	1634010275	Nguyễn Thị Bích	Hiên	18/04/1979	Nữ	CT32E
256	1634010279	Nguyễn Văn	Hình	28/10/1988	Nam	CT32E
257	1634010281	Nguyễn Ngọc	Hòa	13/10/1990	Nữ	CT32E
258	1634010282	Nguyễn Văn	Hoan	27/01/1988	Nam	CT32E
259	1634010283	Ta Thị Kim	Huệ	08/09/1989	Nữ	CT32E
260	1634010287	Nguyễn Doãn	Huy	31/07/1991	Nam	CT32E
261	1634010288	Phan Xuân	Huy	11/08/1987	Nam	CT32E
262	1634010292	Cao Duy	Khánh	21/04/1990	Nam	CT32E
263	1634010294	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	14/10/1992	Nữ	CT32E
264	1634010295	Nguyễn Văn	Linh	03/08/1990	Nam	CT32E
265	1634010297	Đoãn Mạnh	Lương	02/08/1990	Nam	CT32E
266	1634010299	Nguyễn Công	Mai	15/12/1990	Nam	CT32E
267	1634010301	Phạm Hoài	Nam	01/06/1992	Nam	CT32E
268	1634010305	Trần Quốc	Nghị	05/11/1985	Nam	CT32E
269	1634010306	Bùi Văn	Nghĩa	30/11/1991	Nam	CT32E
270	1634010307	Bùi Dương	Ngọc	02/10/1991	Nam	CT32E
271	1634010309	Lê Thủy	Nhung	15/06/1991	Nữ	CT32E
272	1634010310	Hoàng Việt	Ninh	09/01/1992	Nam	CT32E
273	1634010313	Dương Văn	Quân	15/08/1986	Nam	CT32E
274	1634010315	Lê Tuấn	Quỳnh	05/11/1992	Nam	CT32E
275	1634010316	Nguyễn Thúy	Quỳnh	10/01/1992	Nữ	CT32E
276	1634010317	Nguyễn Thúy	Quỳnh	10/07/1991	Nữ	CT32E
277	1634010322	Lương Văn	Thiệt	06/02/1985	Nam	CT32E
278	1634010323	Nguyễn Phúc	Thịnh	28/10/1983	Nam	CT32E
279	1634010327	Nguyễn Huy	Toàn	11/02/1985	Nam	CT32E
280	1634010329	Nguyễn Văn	Trọng	27/11/1990	Nam	CT32E
281	1634010330	Lê Hồng	Trung	12/06/1985	Nam	CT32E
282	1634010331	Ngô Đình	Trường	10/08/1988	Nam	CT32E
283	1634010332	Hà Anh	Tuấn	20/10/1991	Nam	CT32E
284	1634010335	Đỗ Thanh	Tùng	08/04/1990	Nam	CT32E
285	1634010336	Ngô Xuân	Tùng	20/08/1991	Nam	CT32E
286	1634010334	Trần Đức	Tùng	15/02/1992	Nam	CT32E
287	1634010342	Lê Văn	Yên	28/09/1987	Nam	CT32E
288	1634010256	Đặng Thanh	Bình	16/10/1992	Nam	CT32F
289	1634010257	Nguyễn Thị Vân	Chi	24/07/1992	Nữ	CT32F
290	1634010258	Phạm Đạt	Công	15/04/1991	Nam	CT32F
291	1634010260	Nguyễn Việt	Cường	26/02/1992	Nam	CT32F
292	1634010263	Lê Đức	Duy	04/08/1992	Nam	CT32F
293	1634010265	Lương Đình	Đạt	05/06/1989	Nam	CT32F

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HÀI PHÒNG

Lớp: VLVH.K11.A

STT	Mã Sinh Viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	GIỚI
1	1635010112	Chu Thị Thúy	An	20/05/1988	Nữ
2	1635010114	Bùi Lan	Anh	13/10/1988	Nữ
3	1635010113	Vũ Kim	Anh	10/11/1982	Nữ
4	1635010115	Bùi Thị	Anh	22/04/1986	Nữ
5	1635010116	Đặng Thị	Bình	15/02/1987	Nữ
6	1635010117	Bùi Thị Thanh	Châm	24/05/1984	Nữ
7	1635010118	Nguyễn Thị	Chuyển	07/01/1983	Nữ
8	1635010119	Vũ Thị	Dịu	25/09/1988	Nữ
9	1635010120	Nguyễn Thanh	Dung	18/10/1987	Nữ
10	1635010121	Phạm Thị	Dung	18/10/1991	Nữ
11	1635010122	Nguyễn Thị Nam	Dương	03/07/1988	Nữ
12	1635010123	Trịnh Thị Liên	Giang	19/05/1990	Nữ
13	1635010124	Đỗ Văn	Hai	15/09/1991	Nam
14	1635010126	Bùi Thị Thu	Hằng	08/10/1990	Nữ
15	1635010127	Đoàn Thị	Hằng	26/11/1983	Nữ
16	1635010128	Đào Thị	Hiền	21/08/1987	Nữ
17	1635010129	Nguyễn Thị	Hiền	28/05/1986	Nữ
18	1635010130	Nguyễn Thị	Hoa	03/08/1988	Nữ
19	1635010131	Phạm Thị	Hoa	29/07/1982	Nữ
20	1635010132	Trần Thị	Hòa	16/07/1983	Nữ
21	1635010133	Nguyễn Thị Thu	Hoài	25/11/1990	Nữ
22	1635010134	Lê Thị Minh	Hồng	02/11/1976	Nữ
23	1635010135	Nguyễn Thị Thanh	Huệ	28/05/1988	Nữ
24	1635010136	Lê Văn	Hùng	19/08/1988	Nam
25	1635010141	Phan Thị	Huyền	16/11/1984	Nữ
26	1635010137	Đỗ Thị	Hương	21/06/1982	Nữ
27	1635010139	Phạm Thanh	Hương	15/06/1982	Nữ
28	1635010138	Phạm Thị	Hương	17/02/1982	Nữ
29	1635010140	Trần Thị Mai	Hương	23/05/1980	Nữ
30	1635010143	Vũ Thị	Lan	18/11/1986	Nữ
31	1635010142	Bùi Văn	Lâm	17/07/1991	Nam
32	1635010144	Văn Thị	Loan	28/01/1986	Nữ
33	1635010145	Trần Thị Khánh	Ly	31/12/1985	Nữ
34	1635010146	Nguyễn Thu	Lý	03/04/1988	Nữ
35	1635010147	Bùi Văn	Minh	14/02/1983	Nam
36	1635010148	Phạm thị Trà	My	28/01/1987	Nữ
37	1635010149	Nguyễn Thị	Nga	27/04/1987	Nữ
38	1635010150	Nguyễn Thị Thu	Nga	29/03/1990	Nữ
39	1635010151	Bùi Thị Thúy	Ngà	28/03/1989	Nữ
40	1635010153	Nguyễn Minh	Ngọc	16/10/1987	Nữ
41	1635010152	Vũ Thị Bích	Ngọc	04/11/1987	Nữ
42	1635010154	Đào Thị	Nguyệt	15/10/1985	Nữ
43	1635010156	Mạc Thị	Nhân	11/06/1986	Nữ
44	1635010155	Đoàn Thị Hồng	Nhâm	21/09/1991	Nữ
45	1635010157	Lương Thị	Nhất	13/12/1988	Nữ
46	1635010158	Nguyễn Thị Kim	Nhi	21/06/1983	Nữ
47	1635010160	Hoàng Thị Tuyết	Nhung	09/08/1988	Nữ
48	1635010161	Nguyễn Thị Phương	Nhung	06/03/1985	Nữ
49	1635010159	Vũ Thị Hồng	Nhung	04/11/1988	Nữ
50	1635010162	Nguyễn Thị	Phước	10/12/1986	Nữ
51	1635010163	Nguyễn Thị Lan	Phượng	25/08/1989	Nữ
52	1635010165	Nguyễn Thị	Phượng	10/03/1988	Nữ
53	1635010164	Nguyễn Thị Bích	Phượng	14/12/1980	Nữ

STT	Mã Sinh Viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	GIỚI
54	1635010166	Lưu Văn	Quý	28/07/1987	Nam
55	1635010167	Nguyễn Thị	Quyên	12/09/1985	Nữ
56	1635010168	Phạm Thị	Tâm	01/08/1983	Nữ
57	1635010169	Trần Minh	Tân	19/02/1983	Nam
58	1635010172	Phạm Thị	Thảo	13/08/1987	Nữ
59	1635010171	Trần thị Phương	Thảo	25/09/1990	Nữ
60	1635010170	Nguyễn Thị	Thắm	03/09/1988	Nữ
61	1635010173	Nguyễn Thị	Thoa	10/10/1985	Nữ
62	1635010174	Nguyễn Thị Hồng	Thu	04/12/1982	Nữ
63	1635010175	Phạm Thị	Thu	05/10/1986	Nữ
64	1635010179	Hoàng Thị Thu	Thủy	07/10/1984	Nữ
65	1635010180	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	11/09/1987	Nữ
66	1635010181	Phạm Thị Phương	Thủy	15/08/1986	Nữ
67	1635010178	Đặng Thị	Thủy	14/05/1985	Nữ
68	1635010177	Nguyễn Thị	Thúy	11/05/1990	Nữ
69	1635010176	Nguyễn Thị Hiền	Thương	09/12/1989	Nữ
70	1635010182	Nguyễn Thị	Tĩnh	01/02/1983	Nữ
71	1635010184	Đỗ Thị	Trang	26/08/1986	Nữ
72	1635010183	Nguyễn Thị	Trang	17/01/1985	Nữ
73	1635010185	Nguyễn Văn	Trưởng	06/04/1977	Nam
74	1635010186	Hoàng Thị Hồng	Tuyết	03/07/1991	Nữ
75	1635010187	Vũ Cao	Văn	08/07/1985	Nam
76	1635010188	Vũ Minh	Xuân	04/10/1980	Nữ
77	1635010191	Nguyễn Thị	Yên	19/03/1985	Nữ
78	1635010190	Nguyễn Thị Hải	Yên	26/12/1988	Nữ
79	1635010189	Nguyễn Thị Kim	Yên	20/02/1988	Nữ

BỘ Y TẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Lớp: VLVH.K11.E

STT	Mã Sinh Viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi Sinh	Giới
1	1635010401	Đỗ Đức	Anh	10/11/1985	Thanh Hóa	Nam
2	1635010402	Đỗ Thị Lan	Anh	18/08/1992	Thanh Hóa	Nữ
3	1635010403	Lê Văn	Cảnh	15/09/1987	Thanh Hóa	Nam
4	1635010404	Lê Đình	Chính	12/08/1992	Thanh Hóa	Nam
5	1635010405	Bùi Văn	Cường	20/05/1991	Thanh Hóa	Nam
6	1635010406	Doãn Đức	Cường	28/06/1979	Thanh Hóa	Nam
7	1635010407	Trần Mạnh	Cường	17/11/1988	Thanh Hóa	Nam
8	1635010408	Phùng Thị	Dung	16/11/1989	Thanh Hóa	Nữ
9	1635010410	Cù Đức	Dũng	12/01/1990	Thanh Hóa	Nam
10	1635010409	Lê Trung	Dũng	20/08/1988	Thanh Hóa	Nam
11	1635010411	Lưu Quang	Dũng	06/12/1984	Thanh Hóa	Nam
12	1635010413	Lê Thị	Duyên	09/10/1978	Thanh Hóa	Nữ
13	1635010412	Bùi Minh	Dương	25/12/1987	Thanh Hóa	Nam
14	1635010414	Lê Văn	Đại	04/07/1988	Thanh Hóa	Nam
15	1635010415	Lê Văn	Đại	21/09/1991	Thanh Hóa	Nam
16	1635010416	Nguyễn Hồng	Diệp	05/09/1980	Thanh Hóa	Nữ
17	1635010417	Trịnh Quý	Đôn	25/06/1983	Thanh Hóa	Nam
18	1635010418	Lê Thị	Giang	20/01/1980	Thanh Hóa	Nữ
19	1635010422	Lê Thị	Hà	15/04/1986	Thanh Hóa	Nữ
20	1635010420	Nguyễn Thị Thu	Hà	13/06/1983	Thanh Hóa	Nữ
21	1635010421	Phạm Thị	Hà	19/07/1988	Thanh Hóa	Nữ
22	1635010423	Phạm Thị Thu	Hà	26/12/1989	Thanh Hóa	Nữ
23	1635010419	Phan Thị	Hà	02/09/1988	Thanh Hóa	Nữ
24	1635010426	Đỗ Thị	Hải	09/01/1981	Thanh Hóa	Nữ
25	1635010424	Lê Xuân	Hải	19/08/1986	Thanh Hóa	Nam
26	1635010427	Nguyễn Sơn	Hải	06/02/1979	Thanh Hóa	Nam
27	1635010125	Nguyễn Tài	Hải	03/01/1987		Nam
28	1635010425	Trần Thị	Hải	14/03/1983	Thanh Hóa	Nữ
29	1635010431	Nguyễn Thị	Hạnh	02/09/1989	Thanh Hóa	Nữ
30	1635010430	Nguyễn Văn	Hạnh	18/07/1978	Thanh Hóa	Nam
31	1635010432	Trịnh Thị	Hào	29/03/1983	Thanh Hóa	Nữ
32	1635010428	Lê Thị	Hằng	22/12/1991	Thanh Hóa	Nữ
33	1635010429	Lê Thị Thu	Hằng	09/12/1985	Thanh Hóa	Nữ
34	1635010433	Phạm Thị	Hiền	10/08/1984	Thanh Hóa	Nữ
35	1635010434	Vũ Thị	Hoa	25/02/1988	Thanh Hóa	Nữ
36	1635010435	Hoàng Thị	Hoan	10/03/1975	Thanh Hóa	Nữ
37	1635010436	Lê Văn	Hoan	15/09/1980	Thanh Hóa	Nam
38	1635010437	Phạm Thị	Hồng	03/06/1985	Thanh Hóa	Nữ
39	1635010438	Lê Thị	Huế	12/05/1990	Thanh Hóa	Nữ
40	1635010439	Hoàng Thị	Huệ	09/07/1989	Thanh Hóa	Nữ
41	1635010440	Nguyễn Quốc	Hùng	11/09/1976	Thanh Hóa	Nam
42	1635010441	Nguyễn Tiến	Hùng	20/01/1990	Thanh Hóa	Nam
43	1635010448	Đới Văn	Huy	13/10/1990	Thanh Hóa	Nam
44	1635010449	Hoàng Văn	Huy	05/01/1992	Thanh Hóa	Nam
45	1635010450	Đào Thị	Huyền	15/04/1983	Thanh Hóa	Nữ
46	1635010451	Lê Thị	Huyền	26/10/1979	Thanh Hóa	Nữ
47	1635010452	Nguyễn Thị	Huyền	15/02/1982	Thanh Hóa	Nữ
48	1635010445	Lê Thị	Hương	10/02/1990	Thanh Hóa	Nữ
49	1635010443	Lưu Thị Mai	Hương	06/09/1986	Thanh Hóa	Nữ
50	1635010442	Nguyễn Thị	Hương	03/08/1982	Thanh Hóa	Nữ
51	1635010444	Nguyễn Thu	Hương	28/02/1988	Thanh Hóa	Nữ
52	1635010446	Trương Thị	Hương	20/10/1988	Thanh Hóa	Nữ
53	1635010447	Lê Nguyễn	Hữu	01/06/1992	Thanh Hóa	Nam

STT	Mã Sinh Viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi Sinh	Giới
54	1635010454	Ngô Thị	Liên	03/03/1991	Thanh Hóa	Nữ
55	1635010453	Trịnh Thị	Liên	02/04/1987	Thanh Hóa	Nữ
56	1635010456	Lê Thị Ngọc	Linh	13/05/1984	Thanh Hóa	Nữ
57	1635010457	Lê Thị Thủy	Linh	22/08/1990	Thanh Hóa	Nữ
58	1635010455	Ngo Diêu	Linh	27/09/1992	Thanh Hóa	Nữ
59	1635010458	Nguyễn Thị Thủy	Linh	10/04/1990	Thanh Hóa	Nữ
60	1635010459	Nguyễn Thị	Loan	13/08/1992	Thanh Hóa	Nữ
61	1635010460	Lê Thị	Lua	28/08/1990	Thanh Hóa	Nữ
62	1635010461	Dương Thị	Lương	04/11/1986	Thanh Hóa	Nữ
63	1635010463	Hoàng Thị	Mai	11/09/1992	Thanh Hóa	Nữ
64	1635010462	Nguyễn Ngọc	Mai	16/04/1992	Thanh Hóa	Nữ
65	1635010464	Nguyễn Thị	Mận	28/05/1982	Thanh Hóa	Nữ
66	1635010465	Lê Đình	Nam	23/08/1991	Thanh Hóa	Nam
67	1635010467	Lê Thị	Nga	02/12/1980	Thanh Hóa	Nữ
68	1635010466	Thiều Thị	Nga	21/11/1991	Thanh Hóa	Nữ
69	1635010468	Tô Thị	Ngân	05/02/1988	Thanh Hóa	Nữ
70	1635010469	Mai Thị	Nghĩa	02/09/1986	Thanh Hóa	Nữ
71	1635010470	Mai Thanh	Nhân	09/05/1986	Thanh Hóa	Nam
72	1635010471	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	31/10/1984	Thanh Hóa	Nữ
73	1635010472	Nguyễn Thị	Oanh	24/10/1981	Thanh Hóa	Nữ
74	1635010473	Lê Thị	Phương	25/05/1989	Thanh Hóa	Nữ
75	1635010474	Nguyễn Thị Thu	Phương	06/07/1989	Thanh Hóa	Nữ
76	1635010477	Bùi Hồng	Phượng	23/08/1988	Thanh Hóa	Nữ
77	1635010475	Hoàng Thị	Phượng	19/07/1990	Thanh Hóa	Nữ
78	1635010476	Trần Thị Kim	Phượng	24/10/1973	Thanh Hóa	Nữ
79	1635010478	Nguyễn Duy	Quân	16/09/1989	Thanh Hóa	Nam
80	1635010479	Đặng Thị	Quý	19/05/1977	Thanh Hóa	Nữ
81	1635010480	Ngô Thị	Sâm	08/12/1986	Thanh Hóa	Nữ
82	1635010482	Bùi Thanh	Sơn	12/06/1984	Thanh Hóa	Nam
83	1635010481	Trương Ngọc	Sơn	17/06/1987	Thanh Hóa	Nam
84	1635010484	Lê Thị	Tâm	20/07/1991	Thanh Hóa	Nữ
85	1635010485	Ngô Thị	Tâm	20/09/1989	Thanh Hóa	Nữ
86	1635010483	Nguyễn Thị	Tâm	20/08/1987	Thanh Hóa	Nữ
87	1635010486	Nguyễn Ngọc	Thái	11/12/1989	Thanh Hóa	Nam
88	1635010488	Trần Thị Hà	Thanh	12/04/1987	Thanh Hóa	Nữ
89	1635010487	Nguyễn Thị	Thắm	14/03/1992	Thanh Hóa	Nữ
90	1635010489	Đinh Sỹ	Thọ	21/11/1990	Thanh Hóa	Nam
91	1635010490	Trịnh Trung	Thọ	15/05/1984	Thanh Hóa	Nam
92	1635010491	Nguyễn Thị	Thu	17/09/1990	Thanh Hóa	Nữ
93	1635010497	Đỗ Thị	Thủy	06/02/1979	Thanh Hóa	Nữ
94	1635010498	Ngô Thị	Thủy	05/04/1984	Thanh Hóa	Nữ
95	1635010499	Nguyễn Thị	Thủy	13/05/1988	Thanh Hóa	Nữ
96	1635010494	Lê Thị	Thủy	17/06/1985	Thanh Hóa	Nữ
97	1635010496	Lê Thị	Thủy	02/08/1986	Thanh Hóa	Nữ
98	1635010495	Nguyễn Thị	Thủy	02/02/1983	Thanh Hóa	Nữ
99	1635010493	Nguyễn Thị Phương	Thủy	28/05/1991	Thanh Hóa	Nữ
100	1635010492	Nguyễn Thị	Thương	20/09/1982	Thanh Hóa	Nữ
101	1635010500	Nguyễn Thủy	Tiên	16/04/1992	Thanh Hóa	Nữ
102	1635010502	Lê Duy	Tiến	02/10/1991	Thanh Hóa	Nam
103	1635010503	Trương Thị	Tiến	13/07/1988	Thanh Hóa	Nữ
104	1635010501	Trương Xuân	Tiến	11/06/1986	Thanh Hóa	Nam
105	1635010504	Trịnh Thị	Tinh	10/06/1990	Thanh Hóa	Nữ
106	1635010505	Lê Thị Huyền	Trang	24/07/1990	Thanh Hóa	Nữ
107	1635010506	Lê Văn	Tú	20/01/1992	Thanh Hóa	Nam
108	1635010508	Đặng Đức	Tuấn	07/01/1982	Thanh Hóa	Nam
109	1635010507	Lê Nguyễn	Tuấn	24/10/1984	Thanh Hóa	Nam
110	1635010509	Lê Thị	Tuyết	21/05/1990	Thanh Hóa	Nữ
111	1635010511	Lê Thị	Tuyết	30/10/1991	Thanh Hóa	Nữ
112	1635010513	Lê Thị	Tuyết	08/03/1986	Thanh Hóa	Nữ

BỘ Y TẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

DANH SÁCH LỚP CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG VLVH.K10C

STT	Mã Sinh Viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi Sinh	Ghi chú
1	1535010002	Nguyễn Thị Lan	Anh	13/07/1980	Quảng Ninh	
2	1535010008	Châu Thị	Bảy	25/07/1987	Quảng Ninh	
3	1535010016	Hà Thị Ngọc	Dung	19/11/1988	Quảng Ninh	
4	1535010019	Nguyễn Thị Kim	Dung	01/07/1988	Quảng Ninh	
5	1535010021	Chu Hải	Duy	26/04/1978	Quảng Ninh	
6	1535010025	Trần Thị	Giang	22/10/1983	Quảng Ninh	
7	1535010024	Trần Thị Hương	Giang	25/01/1979	Quảng Ninh	
8	1535010026	Nguyễn Thị	Hà	11/09/1987	Quảng Ninh	
9	1535010034	Phan Thị	Hải	31/01/1970	Quảng Ninh	
10	1535010047	Đặng Thị Hồng	Hạnh	09/10/1986	Quảng Ninh	
11	1535010045	Hoàng Thị Thủy	Hằng	07/02/1975	Quảng Ninh	
12	1535010043	Nguyễn Thị	Hằng	18/06/1987	Quảng Ninh	
13	1535010042	Trần Thị Thu	Hằng	25/08/1981	Quảng Ninh	
14	1535010051	Hoàng Thị	Hậu	18/07/1983	Quảng Ninh	
15	1535010066	Phạm Thu	Hoài	13/10/1984	Quảng Ninh	
16	1535010067	Nguyễn Văn	Hội	06/11/1985	Đồng Triều	
17	1535010069	Phạm Thị	Huế	26/08/1986	Quảng Ninh	
18	1535010070	Ta Thị	Huệ	05/04/0984	Quảng Ninh	
19	1535010087	Phạm Thị	Huyền	01/09/1979	Quảng Ninh	
20	1535010077	Lã Thị Diễm	Hương	18/12/1986	Quảng Ninh	
21	1535010076	Lê Thị Thu	Hương	04/03/1990	Quảng Ninh	
22	1535010075	Phạm Đoàn Thu	Hương	16/10/1985	Quảng Ninh	
23	1535010074	Phạm Thị	Hương	21/04/1986	Quảng Ninh	
24	1535010073	Phạm Thị Thanh	Hương	07/06/1990	Quảng Ninh	
25	1535010083	Nguyễn Thị	Hường	12/07/1987	Quảng Ninh	
26	1535010090	Nguyễn Thị	Khuyên	10/12/1991	Quảng Ninh	
27	1535010091	Triệu Thị	Khuyên	12/09/1986	Quảng Ninh	
28	1535010093	Nguyễn Thị	Kim	17/07/1990	Quảng Ninh	
29	1535010097	Nguyễn Tiến	Lịch	16/10/1991	Quảng Ninh	
30	1535010100	Nguyễn Thị	Liên	15/05/1984	Quảng Ninh	
31	1535010105	Nguyễn Thị	Loan	01/10/1983	Quảng Ninh	
32	1535010116	Nguyễn Thị	Minh	09/04/1982	Quảng Ninh	
33	1535010120	Vũ Thủy	Ngà	22/06/1973	Quảng Ninh	
34	1535010125	Nguyễn Phúc	Ngọc	19/09/1987	Quảng Ninh	
35	1535010124	Vũ Thị	Ngọc	28/12/1990	Quảng Ninh	
36	1535010126	Lương Thị	Nguyệt	18/08/1984	Quảng Ninh	
37	1535010130	Cao Thanh	Nhân	12/10/1991	Quảng Ninh	
38	1535010132	Nguyễn Thị	Nhân	06/12/1983	Quảng Ninh	
39	1535010135	Lê Thị	Nhung	21/11/1991	Quảng Ninh	
40	1535010134	Mai Hồng	Nhung	09/10/1992	Quảng Ninh	
41	1535010138	Nguyễn Thị	Oanh	24/09/1990	Quảng Ninh	
42	1535010139	Trương Thị Kiều	Oanh	16/05/1976	Quảng Ninh	
43	1535010146	Nguyễn Như	Quỳnh	18/04/1985	Quảng Ninh	
44	1535010147	Nguyễn Thị	Sâm	31/10/1991	Quảng Ninh	
45	1535010161	Dương Thị	Thảo	25/11/1987	Quảng Ninh	
46	1535010151	Trần Thị Hồng	Thắm	02/06/1986	Quảng Ninh	
47	1535010166	Phạm Minh	Thu	21/10/1985	Quảng Ninh	
48	1535010183	Đinh Thị	Thủy	12/07/1985	Quảng Ninh	
49	1535010191	Nguyễn Thị	Thủy	09/09/1990	Quảng Ninh	
50	1535010184	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	01/07/1988	Quảng Ninh	
51	1535010190	Trần Thanh	Thủy	31/05/1979	Quảng Ninh	
52	1535010180	Đào Thị Thanh	Thúy	16/09/1987	Quảng Ninh	

STT	Mã Sinh Viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi Sinh	Giới
113	1635010510	Trịnh Thị	Tuyết	04/04/1987	Thanh Hóa	Nữ
114	1635010512	Trịnh Thị	Tuyết	07/08/1989	Thanh Hóa	Nữ
115	1635010515	Hoàng Thị	Vân	26/04/1988	Thanh Hóa	Nữ
116	1635010514	Nguyễn Thị	Vân	14/07/1989	Thanh Hóa	Nữ
117	1635010516	Lê Hồng	Vinh	06/02/1987	Thanh Hóa	Nam
118	1635010517	Phạm Thị	Xuyến	23/03/1985	Thanh Hóa	Nữ
119	1635010518	Hoàng Thị	Yên	15/07/1992	Thanh Hóa	Nữ
120	1635010519	Vũ Hải	Yên	03/08/1988	Thanh Hóa	Nữ

BỘ Y TẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HÀI PHÒNG

Lớp: VLVH.K11.D

STT	Mã Sinh Viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi Sinh	Giới
1	1635010201	Vũ Lan	Anh	13/05/1984	Hưng Yên	Nữ
2	1635010202	Phạm Văn	Bộ	02/08/1987	Hưng Yên	Nam
3	1635010203	Nguyễn Văn	Đạt	10/10/1990	Hưng Yên	Nam
4	1635010204	Vũ Xuân	Đạt	01/03/1992	Hưng Yên	Nam
5	1635010205	Phạm Thị	Giang	14/01/1985	Hưng Yên	Nữ
6	1635010206	Nguyễn Thị Thủy	Hà	26/08/1989	Hưng Yên	Nữ
7	1635010207	Vũ Thị	Hải	17/09/1986	Hưng Yên	Nữ
8	1635010209	Nguyễn Thị	Hằng	29/04/1987	Hưng Yên	Nữ
9	1635010208	Trần Thị	Hằng	22/12/1985	Hưng Yên	Nữ
10	1635010210	Nguyễn Thị	Hoa	18/04/1989	Hưng Yên	Nữ
11	1635010211	Phạm Thị	Huê	09/11/1981	Hưng Yên	Nữ
12	1635010212	Đoàn Thị	Huê	06/01/1983	Hưng Yên	Nữ
13	1635010216	Dương Thị	Huyền	01/11/1981	Hưng Yên	Nữ
14	1635010213	Đào Thị Thu	Hương	10/05/1980	Hưng Yên	Nữ
15	1635010214	Ngô Thị Thu	Hương	28/02/1984	Hưng Yên	Nữ
16	1635010215	Nguyễn Thị	Hương	27/09/1982	Hưng Yên	Nữ
17	1635010217	Trần Thanh	Khang	22/03/1984	Hưng Yên	Nam
18	1635010219	Nguyễn Thị	Khuyên	18/10/1982	Hưng Yên	Nữ
19	1635010218	Phạm Thị	Khuyên	26/06/1982	Hưng Yên	Nữ
20	1635010220	Vũ Thị	Lân	27/07/1991	Hưng Yên	Nữ
21	1635010221	Phạm Ngọc	Linh	10/08/1987	Hưng Yên	Nam
22	1635010222	Vũ Thị	Loan	19/07/1984	Hưng Yên	Nữ
23	1635010223	Phạm Thị	Lụa	04/03/1988	Hưng Yên	Nữ
24	1635010224	Nguyễn Thị	Lưu	01/04/1980	Hưng Yên	Nữ
25	1635010225	Nguyễn Hữu	Manh	01/02/1988	Hưng Yên	Nam
26	1635010226	Trần Thị	Ngọc	11/05/1988	Hưng Yên	Nữ
27	1635010227	Nguyễn Thị	Nhung	14/12/1986	Hưng Yên	Nữ
28	1635010228	Vũ Thị	Ninh	02/06/1989	Hưng Yên	Nữ
29	1635010229	Vũ Thị	Nôn	03/03/1988	Hưng Yên	Nữ
30	1635010230	Phạm Thị	Oanh	21/08/1985	Hưng Yên	Nữ
31	1635010231	Trần Hồng	Phong	22/02/1989	Hưng Yên	Nam
32	1635010232	Trần Thị	Phương	23/08/1991	Hưng Yên	Nữ
33	1635010233	Lê Hồng	Quân	10/07/1986	Hưng Yên	Nam
34	1635010234	Nguyễn Thị	Quên	15/10/1986	Hưng Yên	Nữ
35	1635010235	Bùi Thị	Quỳnh	02/05/1989	Hưng Yên	Nữ
36	1635010236	Nguyễn Thị	Sáu	23/10/1972	Hưng Yên	Nữ
37	1635010237	Nguyễn Thanh	Sơn	12/03/1990	Hưng Yên	Nam
38	1635010238	Nguyễn Thị	Tân	27/10/1985	Hưng Yên	Nữ
39	1635010241	Nguyễn Thị	Thảo	05/07/1986	Hưng Yên	Nữ
40	1635010239	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	17/05/1989	Hưng Yên	Nữ
41	1635010240	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	16/01/1988	Hưng Yên	Nữ
42	1635010242	Vũ Thị	Thu	29/03/1985	Hưng Yên	Nữ
43	1635010248	Bùi Thị	Thủy	28/03/1987	Hưng Yên	Nữ
44	1635010247	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	02/04/1993	Hưng Yên	Nữ
45	1635010246	Nguyễn Thị Thu	Thủy	16/05/1985	Hưng Yên	Nữ
46	1635010244	Lê Thị	Thủy	31/07/1986	Hưng Yên	Nữ
47	1635010243	Nguyễn Thị	Thủy	26/08/1986	Hưng Yên	Nữ
48	1635010245	Nguyễn Thị	Thủy	01/02/1989	Hưng Yên	Nữ
49	1635010249	Đặng Duy	Tôn	13/06/1989	Hưng Yên	Nam
50	1635010250	Nguyễn Thị Thu	Trang	28/12/1989	Hưng Yên	Nữ
51	1635010251	Đỗ Anh	Tuân	28/10/1982	Hưng Yên	Nam
52	1635010252	Nguyễn Mạnh	Tùng	20/06/1986	Hưng Yên	Nam
53	1635010254	Nguyễn Thị	Tuyết	06/03/1987	Hưng Yên	Nữ
54	1635010253	Vũ Thị	Tươi	20/02/1990	Hưng Yên	Nữ
55	1635010255	Nguyễn Thị	Việt	22/02/1988	Hưng Yên	Nữ
56	1635010256	Nguyễn Trung	Vô	29/09/1985	Hưng Yên	Nam
57	1635010257	Trương Thị	Xen	20/03/1984	Hưng Yên	Nữ
58	1635010258	Ta Thị	Xuất	18/04/1991	Hưng Yên	Nữ

STT	Mã Sinh Viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi Sinh	Ghi chú
53	1535010176	Mai Thị Thu	Thúy	27/05/1982	Quảng Ninh	
54	1535010192	Phạm Văn	Tiếp	10/10/1984	Quảng Ninh	
55	1535010193	Nguyễn Đức	Toàn	26/10/1984	Quảng Ninh	
56	1535010196	Nguyễn Thị Anh	Trang	16/03/1983	Quảng Ninh	
57	1535010194	Tăng Thị	Trang	18/12/1988	Quảng Ninh	
58	1535010197	Vũ Thành	Trung	30/03/1985	Quảng Ninh	
59	1535010198	Lê Xuân	Trường	29/09/1992	Quảng Ninh	
60	1535010199	Đỗ Quốc	Trường	23/10/1983	Quảng Ninh	
61	1535010202	Nguyễn Anh	Tuấn	19/06/1985	Quảng Ninh	
62	1535010208	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	26/05/1984	Quảng Ninh	
63	1535010204	Triều Hồng	Tươi	29/09/1987	Quảng Ninh	
64	1535010210	Đào Thúy	Vân	15/12/1981	Quảng Ninh	
65	1535010220	Bùi Thị	Yến	19/09/1990	Quảng Ninh	
66	1535010219	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	17/11/1973	Quảng Ninh	
67	1535010218	Vì Thị	Yến	03/11/1989	Quảng Ninh	

BỘ Y TẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HÀI PHÒNG

Lớp: VLVH.K11.E

STT	Mã Sinh Viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi Sinh	Giới
1	1635010301	Ngô Thị Hồng	Bích	28/11/1990	Nha Trang	Nữ
2	1635010302	Nguyễn Thủy Phương	Chi	11/11/1985	Nha Trang	Nữ
3	1635010303	Lương Thị Linh	Đa	05/09/1985	Nha Trang	Nữ
4	1635010304	Võ Thị Minh	Đài	22/06/1983	Nha Trang	Nữ
5	1635010307	Nguyễn Thị Hải	Giang	14/11/1984	Nha Trang	Nữ
6	1635010305	Trương Lý Hương	Giang	13/09/1982	Nha Trang	Nữ
7	1635010308	Nguyễn Thị	Hà	27/03/1986	Nha Trang	Nữ
8	1635010309	Nguyễn Thị	Hải	24/04/1992	Nha Trang	Nữ
9	1635010312	Hà Mỹ	Hanh	19/05/1984	Nha Trang	Nữ
10	1635010311	Lê Thị Bích	Hanh	27/12/1981	Nha Trang	Nữ
11	1635010313	Nguyễn Quang	Hào	19/10/1986	Nha Trang	Nam
12	1635010310	Trương Thị Diễm	Hằng	13/02/1987	Nha Trang	Nữ
13	1635010314	Nguyễn Văn	Hiền	08/09/1983	Nha Trang	Nam
14	1635010315	Nguyễn Thị Minh	Hiếu	02/09/1989	Nha Trang	Nữ
15	1635010316	Huỳnh Thị Kim	Hoa	12/02/1988	Nha Trang	Nữ
16	1635010318	Lưu Thị	Hồng	22/08/1990	Nha Trang	Nữ
17	1635010317	Phạm Thị	Hồng	17/05/1981	Nha Trang	Nữ
18	1635010319	Nguyễn Thị	Hương	21/12/1985	Nha Trang	Nữ
19	1635010321	Đặng Thị Thu	Khoang	10/09/1983	Nha Trang	Nữ
20	1635010322	Phùng Thị	Lâm	23/06/1981	Nha Trang	Nữ
21	1635010323	Đinh Tấn	Lâm	06/07/1983	Nha Trang	Nam
22	1635010324	Trần Thị Trúc	Linh	20/11/1974	Nha Trang	Nữ
23	1635010325	Đặng Ngọc Thành	Luân	13/02/1989	Nha Trang	Nam
24	1635010326	Phạm Đức	Luật	15/05/1980	Nha Trang	Nam
25	1635010328	Huỳnh Hoa Lan	Minh	18/12/1982	Nha Trang	Nữ
26	1635010329	Phan Thị Huyền	My	28/02/1982	Nha Trang	Nữ
27	1635010330	Huỳnh Trần Quỳnh	Nga	03/10/1987	Nha Trang	Nữ
28	1635010331	Huỳnh Thị Kim	Ngân	04/03/1972	Nha Trang	Nữ
29	1635010332	Phạm Thị	Ngân	25/11/1986	Nha Trang	Nữ
30	1635010333	Trần Trung	Nghĩa	26/08/1987	Nha Trang	Nam
31	1635010334	Nguyễn Thị	Nhạn	06/05/1989	Nha Trang	Nữ
32	1635010335	Lê Thị Tuyết	Nhung	25/07/1988	Nha Trang	Nữ
33	1635010337	Phạm Thị Phương	Oanh	17/08/1986	Nha Trang	Nữ
34	1635010336	Trần Thị Kim	Oanh	10/02/1990	Nha Trang	Nữ
35	1635010338	Hà Thiêm	Phong	16/05/1982	Nha Trang	Nam
36	1635010339	Mai Tiểu	Phượng	31/12/1985	Nha Trang	Nữ
37	1635010340	Hồ Lê Hồng	Quyên	12/12/1984	Nha Trang	Nữ
38	1635010341	Nguyễn Thị Mai	Sang	14/03/1992	Nha Trang	Nữ
39	1635010342	Phạm Thị Thu	Sương	16/06/1983	Nha Trang	Nữ
40	1635010343	Lê Thị	Tân	06/06/1980	Nha Trang	Nữ
41	1635010344	Hà	Thanh	25/03/1980	Nha Trang	Nam
42	1635010345	Vũ Thị A	Thao	01/12/1984	Nha Trang	Nữ
43	1635010346	Nguyễn Thị Thu	Thảo	09/09/1988	Nha Trang	Nữ
44	1635010347	Trương Thị Mỹ	Thu	15/09/1992	Nha Trang	Nữ
45	1635010354	Lê Thị	Thủy	25/02/1972	Nha Trang	Nữ
46	1635010353	Lương Thu	Thủy	29/12/1984	Nha Trang	Nữ
47	1635010350	Lê Thị Hồng	Thúy	08/05/1985	Nha Trang	Nữ
48	1635010351	Nguyễn Thị	Thúy	10/01/1979	Nha Trang	Nữ
49	1635010352	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	17/07/1974	Nha Trang	Nữ
50	1635010348	Nguyễn Thị Anh	Thu	01/10/1992	Nha Trang	Nữ
51	1635010349	Đỗ Thị Thanh	Thường	26/07/1981	Nha Trang	Nữ
52	1635010356	Hoàng Thị Thu	Trang	13/10/1991	Nha Trang	Nữ
53	1635010355	Lê Thị Thu	Trang	01/12/1988	Nha Trang	Nữ
54	1635010357	Văn Nguyễn Thanh	Tuyền	23/05/1987	Nha Trang	Nữ